

**BẢN CÁO BẠCH
NIÊM YẾT**

2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC
VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103017007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2007, thay đổi lần 4 ngày 19/6/2009.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số 256/QĐ-SGDHN cấp ngày 05 tháng 05 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà 17T6 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN

Điện thoại: (04) 6 2511300

Fax: (04) 6 2511302

Website: <http://vinaconexmec.vn>

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán SME

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3-4, số 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678

Fax: (84.4) 22205680

Website: www.smes.vn

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389

Fax: (84-8) 3914 7390

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Nguyễn Tiến Đạt**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0913 535260

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI
VINACONEX**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103017007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà
Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2007, thay đổi lần 4 ngày 19/6/2009)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu CTCP Nhân lực và Thương mại Vinaconex
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết : 3.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 30.000.000.000 đồng *(tính theo mệnh giá)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội)

Địa chỉ: Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải phóng- Hoàng Mai- Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39 745 081

Fax: (84.8) 39 745 083

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SME

♦ **Trụ sở**

Địa chỉ: Tầng 3-4, 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678

Fax: (84.4) 22205680

Email: smehn@smes.vn website: www.smes.vn

♦ **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389 Fax: (84-8) 3914 7390

Email: smehcm@smes.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	5
CHƯƠNG I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Tỷ giá hối đoái	10
3. Rủi ro về luật pháp.....	10
4. Rủi ro đặc thù.....	11
5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu Vinaconex MEC	12
6. Rủi ro khác.....	12
CHƯƠNG II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI	
DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức niêm yết	13
2. Tổ chức tư vấn	13
CHƯƠNG III.....	14
CÁC KHÁI NIỆM	14
CHƯƠNG IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý	21
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	34
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	35
5. Hoạt động kinh doanh.....	37
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	51
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	53
8. Chính sách đối với người lao động.....	55
9. Chính sách cổ tức.....	56
10. Tình hình hoạt động tài chính	57
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	64
12. Tài sản.....	78
13. Lợi thế thương mại.....	80
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	80
14.1. Kế hoạch sản xuất và phát triển của công ty năm 2010	80
14.2. Chi tiết kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012.....	81
14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010.....	82
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	87
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	88

Không có.....	88
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	88
Không có.....	88
CHƯƠNG V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	89
1. Loại chứng khoán	89
2. Mệnh giá	89
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	89
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	89
5. Giá trị sổ sách của cổ phần	90
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	90
7. Các loại thuế có liên quan.....	90
CHƯƠNG VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	92
PHỤ LỤC.....	93

CHƯƠNG I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

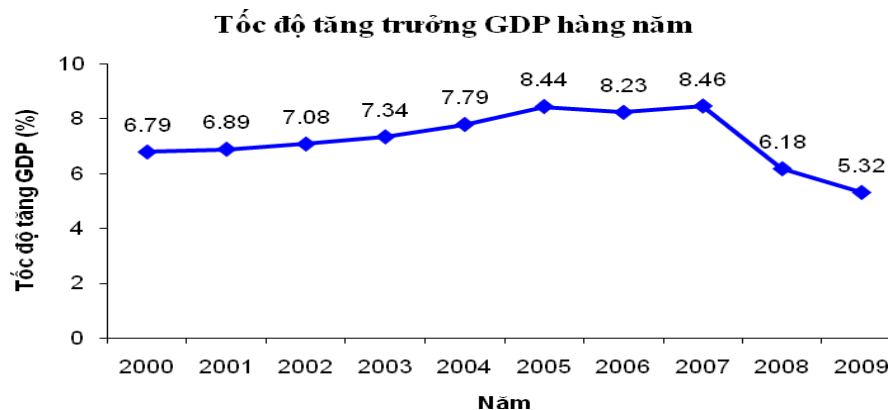
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex (VINACONEX MEC) là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu lao động và đầu tư dự án. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Trong những năm vừa qua, Việt Nam luôn đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002 - 2007 đạt 7,8% và đạt 8,48% trong năm 2007. Năm 2008, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,23% và năm 2009 đạt 5,32%, mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây (Nguồn: Tổng cục thống kê). Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới khủng hoảng và đang trên đà phục hồi thì đây là một dấu hiệu tích cực. Trong năm 2010, Chính phủ đang đặt mục tiêu đưa mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên khoảng 6,5%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trên 6%; Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%; Tạo việc làm mới cho khoảng 1,6 triệu lao động.



(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Khủng hoảng tài chính trong năm 2008, 2009 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của nước ta. Năm 2009 chính là năm hoạt động xuất

khẩu lao động tiếp tục chịu tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong nửa đầu năm 2009, các nước nhận lao động nước ngoài vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng. Nhu cầu lao động giảm đi, một bộ phận lao động đáng kể mất việc làm. Nhiều nước áp dụng chính sách bảo hộ lao động trong nước, thực hiện các biện pháp hạn chế nhận lao động nước ngoài, có một số nước tạm dừng tiếp nhận lao động nước ngoài trong một số lĩnh vực. Vì vậy công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong năm 2009 gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu nhận lao động mới giảm; đồng thời nhiều lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài không có giờ làm thêm, một số bộ phận thiếu việc làm, thu nhập giảm so với thời kỳ trước, theo thống kê của Cục quản lý lao động ngoài nước, đã có khoảng 9000 lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài phải về nước trước thời hạn vì bị mất việc làm. Từ giữa năm 2009, kinh tế của nhiều nước bắt đầu ổn định và hồi phục, nhu cầu lao động đã tăng lên.

Như vậy, có thể thấy sự suy thoái kinh tế có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế tăng trưởng, lượng lao động xuất khẩu ra nước ngoài làm việc tăng lên, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Tại thời điểm hiện nay, Việt Nam có khoảng 400.000 lao động làm việc ở hàng chục quốc gia và lãnh thổ trên thế giới, hàng năm lao động ta gửi về khoảng 1,5 tỷ USD đã cải thiện đáng kể mức sống của nhiều gia đình và góp phần phát triển kinh tế của đất nước. Khi hoạt động xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, doanh thu và lợi nhuận của công ty trong hoạt động này sẽ tăng lên.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, VINACONEX MEC đã thực hiện tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng kinh tế. Công ty cũng thường xuyên liên hệ chặt chẽ với các đối tác nước ngoài để cùng nhau tính toán đưa ra các dự báo về nhu cầu cung ứng lao động trong năm tới, trong đó có tính đến tác động của khủng hoảng kinh tế.

Bên cạnh nhân tố tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá trong thời gian vừa qua cũng đã ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp.

Lạm phát

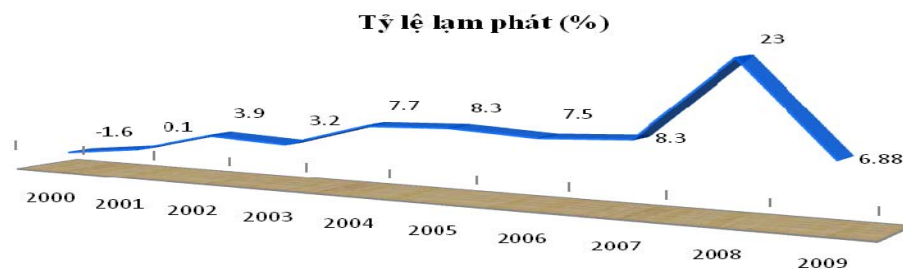
Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Do ngay từ đầu năm Chính phủ và các cấp, các ngành đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng ngừa tái lạm phát cao trở lại, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nhất là tập trung phát triển thị trường trong nước; chỉ đạo, điều hành tài chính, tiền tệ linh hoạt nên mức lạm phát năm 2009 không cao. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 tăng 6,88% so với bình quân năm 2008, là mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây (Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2004 tăng 7,71%; năm 2005 tăng 8,29%; năm 2006 tăng 7,48%; năm

2007 tăng 8,3%; năm 2008 tăng 22,97%). Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế nước ta vừa đạt mức tăng trưởng tương đối khá, vừa duy trì được mức độ lạm phát không cao, đây là thành công lớn trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

Nếu như lạm phát hai con số của năm 2008 một phần do ảnh hưởng của việc thực hiện chính sách tiền tệ nhằm điều tiết nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài liên tục tăng trưởng qua các năm thì trong năm 2009, việc kiểm chế lạm phát được đặt lên là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô được ưu tiên kiểm soát. Một loạt các biện pháp nhằm thực hiện một chính sách tiền tệ thắt chặt như tăng dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất cơ bản, bán trái phiếu bắt buộc để điều chỉnh cung tiền. Do đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Việt Nam trong cả năm 2009 chỉ bằng 30% của năm 2008, đạt 21,48 tỷ USD nhưng vẫn là kết quả khá so với kế hoạch ban đầu chỉ là 20 tỷ USD do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Vốn thực hiện cũng đạt khá, ước đạt 10 tỷ USD, bằng 87% so với năm 2008 (Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ KH-ĐT). Song song với chính sách tiền tệ thắt chặt, Chính phủ cũng thực hiện cắt giảm và kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, giảm mạnh các chi phí hành chính trong các cơ quan nhà nước, loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, nhưng vẫn tạo mọi điều kiện cho đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng.

Tháng 12 năm 2009, lạm phát có xu hướng tăng trở lại nhưng chỉ là hiện tượng nhất thời do nhu cầu chi tiêu của người dân tăng cao vào dịp cuối năm. Trong thời gian tới, nguy cơ tái lạm phát có khả năng xảy ra nếu Ngân hàng Nhà nước không có biện pháp kiểm soát tốt hoạt động tín dụng và lượng tiền cung ứng. Để tránh rủi ro này, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan, phân tích, đánh giá khả năng lạm phát cao, để có chiến lược kinh doanh phù hợp.



(Nguồn: ADB, Tổng Cục thống kê)

Lãi suất

Giai đoạn 2006-2009 là thời kỳ đầy thách thức trong việc điều hành chính sách tiền tệ trong đó có chính sách lãi suất của Việt Nam. Năm 2008 đã chứng kiến diễn biến cực kỳ nóng bỏng và phức tạp trên thị trường tiền tệ. Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Ngân hàng Nhà nước trong khuôn khổ chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt của Chính phủ đã phải liên tục điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản và các loại lãi suất điều hành thị trường khác. Lãi suất cho vay trên thị

trường có thời điểm tăng đến trên 20%. Sang đầu năm 2009, kinh tế lại rơi vào suy thoái, và Chính phủ đã phải áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ, trong đó có gói kích cầu bao gồm cả việc hỗ trợ lãi suất 4% cho các khoản vay ngắn hạn. Kinh tế đã phần nào phục hồi với những giải pháp này. Tình hình thị trường tiền tệ đã có những biểu hiện tích cực và ổn định. Tuy nhiên, trong thời gian cuối năm 2009, lãi suất lại có biểu hiện tăng cao. Thị trường tiền tệ được cho là vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thời gian tới đây.

Sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp. Lãi suất tăng làm chi phí vay nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tăng, tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngược lại, lãi suất giảm làm giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp và do đó kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn. Hiện tại, Công ty chưa đi vay nên chưa gặp phải rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, trong thời gian tới, khi hai dự án của Công ty triển khai thì Công ty sẽ phải đi vay để tài trợ cho dự án và có thể sẽ gặp phải rủi ro này.

2. Tỷ giá hối đoái

Trong hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty, Công ty hầu như không có rủi ro về tỷ giá hối đoái. Phí dịch vụ mà công ty thu về là phí thu trước của người lao động và bằng VNĐ quy đổi. Trong số các hợp đồng Công ty ký với đối tác nước ngoài (chủ sử dụng lao động), một số hợp đồng chủ sử dụng lao động trả lương cho người lao động qua Công ty, còn lại người lao động nhận lương trực tiếp tại nước ngoài. Tiền chuyển qua Công ty được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá niêm yết tại Ngân hàng Ngoại Thương và chuyển trả cho người lao động. Do vậy, rủi ro tỷ giá đối với công ty gần như không có.

3. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty.

Hệ thống luật pháp có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện tại Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về xuất khẩu lao động như Luật số: 72/2006/QH11 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 10, Khóa XI), Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020,... Khi công ty tham gia niêm yết trên TTCK sẽ chịu sự tác động của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty nhưng cũng có nhiều mặt ảnh hưởng khác. Yêu cầu công khai hoá thông tin, tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán,... có thể làm gia tăng áp lực cạnh tranh và khối lượng công việc quản lý của Công ty. Ngoài ra, khi cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch, trên thị trường tập trung, các thông tin liên quan đến mọi hoạt động của Công ty sẽ được đồng đảo các nhà đầu tư quan tâm. Điều này cũng chứa đựng rủi ro liên quan đến mức độ xác thực

của các thông tin; trong trường hợp thông tin thất thiệt có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giao dịch cổ phiếu cũng như uy tín của Công ty trên thị trường.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

4. Rủi ro đặc thù

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là xuất khẩu lao động. Trong thời gian gần đây cũng đã xuất hiện và tiềm ẩn không ít khó khăn, thách thức:

a. Ngoài nước: Cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn giữa các công ty của các nước cung ứng lao động khác nhau đẩy mức tiền chi cho môi giới lên cao, gây thiệt hại đến quyền lợi người lao động. Trong đó, có cả cạnh tranh theo kiểu đưa thông tin thất thiệt, bịa đặt để đánh vào uy tín của lao động Việt Nam. Tuy nhiên, về cơ bản và lâu dài vẫn là sự cạnh tranh về chất lượng, thể hiện ở hai khía cạnh:

Một là, đòi hỏi kỹ năng nghề, ngoại ngữ và tính kỷ luật của người lao động ngày càng cao. Doanh nghiệp nào, quốc gia nào có được người lao động chất lượng cao hơn sẽ có nhiều hợp đồng hơn, chi phí môi giới rẻ hơn và thu nhập của người lao động cao hơn.

Hai là, tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp với đối tác nước ngoài. Tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, sự tâm huyết, trách nhiệm cao của họ trong công việc đem lại chất lượng dịch vụ tốt của doanh nghiệp với đối tác nước ngoài.

b. Trong nước:

+ Nguồn lao động kỹ năng nghề cao, ngoại ngữ khá chưa có đủ để tuyển chọn cho cả thị trường trong và ngoài nước. Đặc biệt, với thị trường ngoài nước, người lao động không những cần phải đạt yêu cầu về kỹ năng nghề, ngoại ngữ mà còn hội đủ nhiều yếu tố khác như: Sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, tiền vốn....mới có thể tham gia vào thị trường ngoài nước, nên việc tìm kiếm lại càng khó hơn.

+ Cơ hội lựa chọn việc làm của người lao động được mở rộng, kéo theo đó, là tâm lý kén chọn thị trường cao hơn khả năng thực sự của người lao động.

Do nền kinh tế nước nhà phát triển với tốc độ cao, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng nhanh tạo thêm nhiều việc làm mới. Thêm vào đó một số thị trường có thu nhập cao hơn vừa hé mở, một số lượng nhất định lao động đã vào được những thị trường này. Tuy nhiên cũng chính trong hoàn cảnh đó, một bộ phận đáng kể người lao động, do nhiều nguyên nhân, trong đó một phần chưa nắm bắt đầy đủ thông tin, đã nảy sinh tâm lý kén chọn thị trường có thu nhập cao mà không tính đến điều kiện cụ thể của mình có đáp ứng được yêu cầu không. Đây cũng chính là khó khăn cho các doanh nghiệp lâu nay chủ yếu cung cấp lao động cho các thị trường phù hợp với lao động cấp thấp, thị trường giảm nghèo.

+ Chất lượng tuyển chọn, đào tạo, giáo dục định hướng cho người lao động của một số doanh nghiệp còn thấp. Đây là điểm yếu của một bộ phận doanh nghiệp, làm ảnh hưởng chung đến chất lượng lao động Việt Nam ở nước ngoài, điều đó cũng là thách thức đối với tất cả các doanh nghiệp nếu muốn phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn.

+ Thời gian gần đây, các ngân hàng thương mại xiết chặt việc cho vay vốn, kể cả vốn để đi xuất khẩu lao động, nên nhiều người lao động không vay được vốn để trang trải các chi phí trước khi đi.

+ Cũng trong thời gian qua, công luận báo chí nêu một số tồn tại liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động, thực tế các cơ quan nhà nước đã nhìn thấy và có biện pháp chấn chỉnh nên tỷ lệ lao động gặp rủi ro, sự cố đã giảm. Tuy nhiên, những thông tin trên đã tác động lớn đến tâm lý xã hội và người lao động nên doanh nghiệp sẽ khó khăn trong công tác tuyển nguồn lao động.

Tất cả những vấn đề trên đây trên thực tế đang là những thách thức từ thị trường nước ngoài và trong nước đòi hỏi doanh nghiệp phải vượt qua.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu Vinaconex MEC

Việc cổ phiếu của Vinaconex MEC đăng ký niêm yết trên SGDCKHN sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Công ty như: có kênh huy động vốn hiệu quả, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu VINACONEX MEC, quảng bá hình ảnh, thương hiệu và xác định được giá trị thực của VINACONEX MEC, hướng tới việc chuẩn mực hoá các công tác quản trị và điều hành.... Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Cũng như các cổ phiếu khác, giá cổ phiếu của VINACONEX MEC sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và TTCK, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường...

Ngoài những yếu tố trên, khi Công ty có nhu cầu tăng vốn mở rộng hoạt động kinh doanh sẽ phát sinh rủi ro pha loãng cổ phiếu. Vốn tăng, áp lực chi trả cổ tức cho cổ đông cũng tăng, xét trong ngắn hạn, việc tăng vốn sẽ làm giá cổ phiếu của VINACONEX MEC giảm. Tuy nhiên, VINACONEX MEC tin tưởng rằng với chiến lược phát triển đúng đắn, kết quả hoạt động kinh doanh tốt và ổn định sẽ là những đảm bảo để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư dài hạn vào cổ phiếu VINACONEX MEC với rủi ro thấp nhất.

6. Rủi ro khác

Đó là những rủi ro mang tính bất khả kháng, không nằm trong tầm kiểm soát của công ty như các thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo... Khi những rủi ro này xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty.

CHƯƠNG II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Thân Thế Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiên Đạt – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SME(SMES) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex cung cấp.

CHƯƠNG III

CÁC KHÁI NIỆM


Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
Công ty	: Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex
VINACONEX MEC	: Tên viết tắt của Công ty
HDQT	: Hội đồng Quản trị
Cổ phiếu	: Cổ phiếu của VINACONEX MEC
Điều lệ	: Điều lệ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex
CBCNV	: Cán bộ - Công nhân viên VINACONEX MEC
Tổ chức đăng ký niêm yết	: Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex
Tổ chức tư vấn niêm yết	: Công ty Cổ phần Chứng khoán SME
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
KTT	: Kế toán trưởng
VND	: Đồng Việt Nam
Vốn CSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
USD	: Đô la Mỹ
TNDN	: (thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNCN	: (thuế) Thu nhập Cá nhân
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
Đơn vị tính	: Đơn vị tính
BCTC	: Báo cáo tài chính
XKLĐ	: Xuất khẩu lao động

CHƯƠNG IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

Tên tổ chức:	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX
Tên giao dịch quốc tế	: VINACONEX TRADING AND MANPOWER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: VINACONEX MEC.,JSC
Trụ sở chính	: Tầng 1 Tòa nhà 17T6 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN
Điện thoại	: (84.4) 6 2511300
Fax	: (84.4) 6 2511302
Website	: http://vinaconexmec.vn
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 30.000.000.000 đồng (<i>Ba mươi tỷ đồng</i>)
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103017007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 19 tháng 06 năm 2009
Mã số thuế	: 0102234864
Tài khoản	: 12010000274580 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103017007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2007, thay đổi lần 4 ngày 19/6/2009, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Tổ chức đào tạo nghề: mộc, nề, hàn, sắt, cơ khí – kết cấu thép, điện, nhôm kính, vận hành máy; may công nghiệp, thiết kế thời trang, giúp việc gia đình, hộ lý; công nhân cầu, hầm, công nhân khai thác mỏ, đóng tàu (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Đài Loan, tiếng Trung (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Xây dựng, phát triển các công trình, dự án: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng cơ sở, nhà ở, cấp thoát nước, xử lý chất thải, môi trường, đô thị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, làm đại lý tiêu thụ các mặt hàng sản xuất và tiêu dùng cho các hãng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, môi giới, đấu giá các loại hàng hóa (trừ lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Nhà nước);
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng;
- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Nhận ủy thác vốn đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
- Chế tạo, mua bán và gia công cơ khí.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại VINACONEX (VINACONEXMEC) tiền thân là Trung tâm Xuất khẩu lao động trực thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Nhân lực và Thương mại VINACONEX gắn liền với sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX).

Xuất khẩu lao động là mũi nhọn và cũng là lĩnh vực kinh doanh sở trường truyền thống của Công ty. Ngay từ năm 1988 khi Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) được thành lập có nhiệm vụ quản lý cán bộ, công nhân ngành xây dựng làm việc ở các nước Bulgaria, Tiệp Khắc, Liên Xô cũ, Iraq, bộ phận quản lý lao động tại nước

ngoài tiền thân của Xuất khẩu lao động đã được hình thành. Năm 1990 do xảy ra chiến tranh vùng Vịnh và sự kiện các nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô cũ tan rã, như vậy sẽ có khoảng 13.000 CBCN Việt Nam từ nhiều nước trở về, lực lượng này đã trở thành một sức ép lớn cho Ngành Xây dựng và VINACONEX do thiếu việc làm. Để tạo việc làm cho người lao động, năm 1993 đã ký hợp đồng cung cấp khoảng 10.000 lượt lao động và quản lý sang làm việc cho tập đoàn xây dựng Dong Ah- Hàn Quốc tại Libya (Dự án Sông nhân tạo vĩ đại) với nhiều ngành nghề khác nhau và là một trong 8 doanh nghiệp được cấp phép đưa lao động sang làm việc tại Hàn Quốc.

Ngày 12/12/1995, Tổng giám đốc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam đã có quyết định số 1293 VC/TCLĐ về việc thành lập Trung tâm Xuất khẩu lao động với chức năng là hoạt động xuất khẩu lao động.

Để phát triển với phạm vi hoạt động rộng hơn, ngày 19/04/2000 Trung tâm Xuất khẩu lao động và Du lịch trực thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Trung tâm Du lịch lữ hành với Trung tâm Xuất khẩu lao động để thực hiện nhiệm vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và du lịch lữ hành quốc tế và nội địa.

Nhằm phù hợp với tiến trình phát triển của nền kinh tế, với phương châm kinh doanh đa ngành đa nghề, ngày 04/02/2004 Trung tâm XKLD và Du lịch sáp nhập cùng với phòng Kinh doanh của Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam và đổi thành Trung tâm Xuất khẩu lao động và Thương mại có chức năng xuất khẩu lao động, kinh doanh xuất nhập khẩu và du lịch lữ hành quốc tế và nội địa.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, VINACONEX là Tổng công ty đầu tiên được chọn thí điểm theo mô hình này. Phát triển từ Trung tâm Xuất khẩu lao động và Thương mại Vinaconex, Công ty cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex được ra đời trong giai đoạn này, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017007 ngày 03 tháng 05 năm 2007 (đăng ký lần đầu) với chức năng chính là hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đào tạo nghề, kinh doanh xuất nhập khẩu thương mại và du lịch lữ hành quốc tế và nội địa.

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - công ty con, tháng 05 năm 2008 Công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần và nắm giữ cổ phần chi phối tại 02 Công ty: Công ty cổ phần Kinh doanh Vinaconex (VINATRA) và Công ty cổ phần phát triển Nhân lực và Thương mại Việt Nam (VINAMEX), Công ty cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Trải qua hơn 20 năm hoạt động và trưởng thành, Công ty cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex đã đưa được gần 70.000 lượt lao động, kỹ sư và chuyên gia đi làm việc tại trên 20 nước trên thế giới với nhiều các nhóm nghề đa dạng và đã không ngừng khẳng định thương hiệu, uy tín của mình ở trong nước và quốc tế.

Phát huy truyền thống năng động sáng tạo, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát chiến lược phát triển, đồng thời coi trọng công tác xây dựng nội bộ vững mạnh. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty luôn được chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng giáo dục để nâng cao năng lực hoàn thành nhiệm vụ và được chăm sóc như tài sản quý giá nhất, nhân tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển và thịnh vượng của VINACONEXMEC.

Với sự quan tâm của các cấp, sự ủng hộ của các đối tác và sự phấn đấu không ngừng, chắc chắn VINACONEXMEC sẽ xứng đáng là địa chỉ để người lao động cùng các đối tác yên tâm gửi gắm niềm tin và hợp tác lâu dài có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động.

Quá trình tăng vốn điều lệ

- Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2008 ngày 06 tháng 11 năm 2008.
- Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ. Nội dung cụ thể như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (03/05/2007)	20.000.000.000		
Lần 1 Tháng 11/2008	30.000.000.000	10.000.000.000	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 531.766 cổ phần; - Phát hành cho CBCNV: 100.000 cổ phần; - Phát hành cho nhà đầu tư khác: 368.234 cổ phần.

(Nguồn: Báo cáo quá trình tăng vốn điều lệ Công ty VINACONEX MEC)

Kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017007 ngày 03 tháng 05 năm 2007 (đăng ký lần đầu), Công ty mới duy nhất một lần tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 16/11-2008/ĐHĐCĐ ngày 06/11/2008, như sau:

Bảng 2: Tổng hợp đợt tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng





STT	Tên đối tượng	Số lượng CP	Giá phát hành (Đồng)	Ghi chú
PHÁT HÀNH LẦN I (Ngày phát hành 11/11/2008)				
1	Cổ đông hiện hữu	531.766	10.000	Tỷ lệ phân bổ 10:3 (mỗi cổ đông sở hữu 1 CP được 1 quyền mua, cứ 10 quyền mua được mua thêm 3 cổ phần mới. Phát hành cho 99 cổ đông.
2	Nhà đầu tư khác	205.000	10.000	Được phân phối theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt. Phát hành cho 22 cổ đông.
3	Cán bộ công nhân viên	100.000	10.000	Được phân phối theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt Phát hành cho 26 cổ đông.
PHÁT HÀNH LẦN 2 (Ngày phát hành 15/09/2009)				
1	Cổ đông của Công ty	163.234	10.000	Ngày 14 tháng 09 năm 2009 HĐQT Công ty đã có nghị quyết về việc xử lý số cổ phần không bán hết cho các cổ đông của Công ty. Phát hành cho 12 cổ đông.
Tổng cộng		1.000.000		






Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do sơ sót Công ty đã phát hành cho trên một 100 nhà đầu tư và chưa đăng ký với UBCKNN cũng như báo cáo kết quả phát hành do vậy UBCKNN đã có quyết định xử phạt số 17/QĐ-UBCK ngày 08/01/2010.

1.4. Thành tích đạt được

Trong suốt quá trình hoạt động, tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty đã đưa được gần 70.000 lao động sang làm việc tại các nước, hàng năm mang về cho đất nước khoảng hơn 20 triệu USD, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của đất nước. Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã vinh dự nhận được nhiều Huân Chương do Nhà nước tặng thưởng và Bằng khen do Bộ Xây dựng, Công đoàn ngành Xây dựng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trao tặng. Cán bộ của Công ty đã đạt nhiều danh hiệu thi đua như lao động giỏi, chiến sỹ thi đua cơ sở và chiến sỹ thi đua cấp ngành cùng nhiều bằng khen khác.

Một số thành tích tiêu biểu của Công ty:

-  Bằng khen Chính phủ (Năm 1998)
-  Cờ thi đua xuất sắc ngành Xây dựng (Năm 2000)
-  Huân chương lao động hạng ba (Năm 2001)
-  Huân chương độc lập hạng ba (Năm 2005)

-
-  Cờ thi đua xuất sắc Bộ Xây dựng (Năm 2005)
 -  Cờ thi đua Chính phủ (Năm 2006, 2009)
 -  Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho thành tích năm 2006-2007-2008
 -  Bằng khen Hiệp hội Xuất khẩu Lao động (Năm 2008, 2009).
 -  Huân chương lao động hạng 2 (Năm 2009)

2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý

2.1 Cơ cấu tổ chức Công ty



Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 1 Tòa nhà 17T6 Khu đô thị Trung Hòa Nhân chính, Thanh Xuân,
Tp. Hà Nội

Điện thoại : (04) 6 2511300

Fax : (04) 6 2511302

Các công ty nắm cổ phần chi phối

🚩 Công ty CP Phát triển Nhân lực và Thương mại Việt Nam (VINAMEX)

Địa chỉ : Tầng 6, tòa nhà TTTM Vinaconex, số 8 đường Quang Trung, Hà Đông,
Tp. Hà Nội

Điện thoại : (04)3 3555 688

Fax : (04)3 3555 866


🚩 Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex (VINATRA)

Địa chỉ : Tầng 5, tòa nhà VIMECO, lô E9, đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, HN

Điện thoại : (04) 3 7848 660

Fax : (04) 3 7848 659


Các chi nhánh

 Chi nhánh Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex tại Hải Dương

Địa chỉ : Số 108 Nguyễn Lương Bằng, Phường Bình Hàn, TP Hải Dương

Điện thoại : (084-320) 389 1150

Fax : (084-320) 389 1098


 Chi nhánh Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex tại Đà Nẵng

Địa chỉ : 596 Đường Ngô Quyền, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP ĐN

Điện thoại : (0511)3945919

Fax : (0511) 3945918

Các văn phòng đại diện


 Văn phòng đại diện UAE.Shimizu

Địa chỉ : IC tầng 1, Alwwardy, Tòa nhà Bur Dubai, đường Khalid Binwwalid, Dubai

Điện thoại : 971-4351 5901

Fax : 971-4351 5902



 Văn phòng đại diện Algeria

Địa chỉ : 15 Rue des Freres Benali Abdellah, Hydra, Alger, Algeria

Điện thoại : (213) 2148 2950

Fax : (213) 2148 2951




 Văn phòng đại diện Hàn Quốc

Địa chỉ : P.2108, Tòa tháp Master B/D 553, Dohwa Dong,Mapo-Gu, Seoul, Hàn Quốc

Điện thoại : (822) 3775 5700

Fax : (822) 3775 5703



 Văn phòng đại diện Libya

Địa chỉ : P.O.Box 81740 DAC, Tripoli, Libya

Điện thoại : (218) 213 609 018

Fax : (218) 213 609 020



Các Trường- Trung tâm đào tạo nghiệp vụ

Trung tâm đào tạo và dạy nghề Vinaconex

Địa chỉ : Thôn Phù Xã Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại : (04) 62422524

Fax : (04) 35842444

- Lĩnh vực đào tạo
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho công nhân lao động xuất khẩu trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo mục tiêu, chương trình chuẩn của Cục quản lý lao động ngoài nước;
 - Đào tạo nghề hàn, nguội, lắp ráp cho công nhân của Công ty đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo mục tiêu chương trình chuẩn của Tổng cục dạy nghề và cho nguồn nhân lực có tay nghề cao trong nước
 - Tổ chức xưởng thực hành và sản xuất hàng hoá tại chỗ cho học sinh thực hành.

Trường đào tạo nhân lực Vinaconex (hệ trung cấp)- Đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng.

Địa chỉ : Xã Đông Mai, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : (04) 2511300

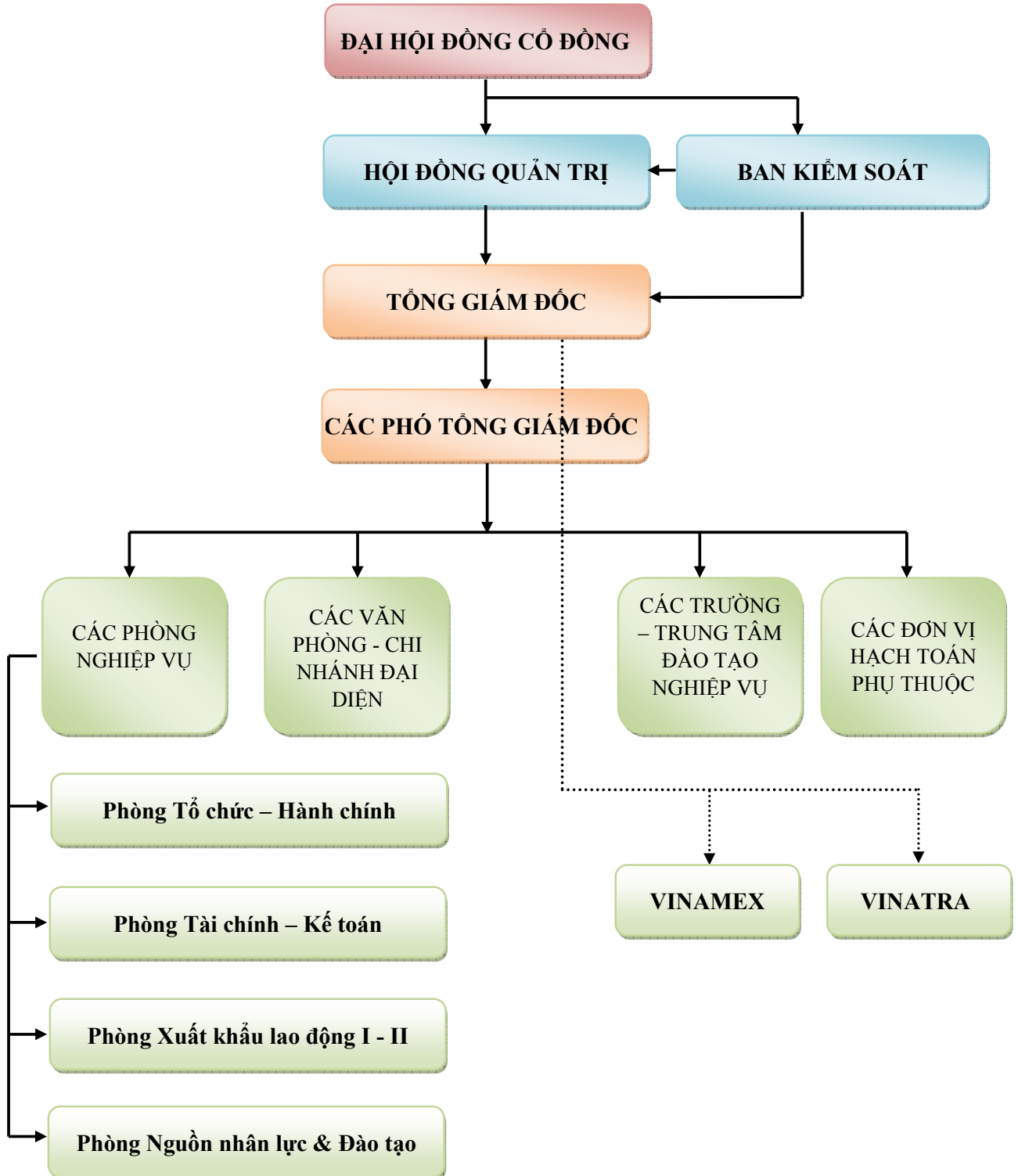
Fax : (04)2511302

- Lĩnh vực đào tạo
- Đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao như : nghề mộc, nề, hàn, sắt, cơ khí, kết cấu thép, điện, vận hành máy, lắp ráp đường ống . . . phục vụ trong nước và xuất khẩu lao động
 - Bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ kỹ năng nghề
 - Đào tạo ngoại ngữ , giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc ở nước ngoài
 - Liên kết với các trường, các cấp bậc cao hơn để đào tạo Cao đẳng và Đại học
 - Tư vấn du học

2.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty VINACONEX MEC được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý



2.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua báo cáo tổng kết năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Kiểm toán.
- Quyết định phương hướng nhiệm vụ phát triển của Công ty và kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
- Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát khi hết nhiệm kỳ.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
- Và các nhiệm vụ khác theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.2.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc về thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty hiện gồm 5 thành viên nhiệm kỳ 2007 - 2012, có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

2.2.3 Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên và cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm

trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao; giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 3 Phó Tổng Giám đốc.

Phân công nhiệm vụ của các Phó Tổng Giám đốc:

1. ÔNG PHAN PHƯƠNG NGUYỄN:

- Phụ trách Phòng XKLD I gồm các thị trường : Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Rumani, Séc, LB Nga . . .
- Thương thảo và ký kết (khi có uỷ quyền) Hợp đồng ngoại.

2. ÔNG NGUYỄN VĂN HIỆP:

- Điều hành Trung tâm Đào tạo và Dạy nghề VINACONEXMEC.
- Phụ trách Dự án Trường Đào tạo Nhân lực VINACONEX,
- Phụ trách công tác tạo nguồn Xuất khẩu lao động
- Phụ trách phòng Tổ chức hành chính

3. ÔNG NGÔ XUÂN HUY:

- Phụ trách Phòng Xuất khẩu lao động II gồm các thị trường : Libya, Algeria, Qatar, Dubai, Saudi Arabia.. .
- Thương thảo và ký kết (khi có uỷ quyền) Hợp đồng ngoại.

2.2.5 Các phòng nghiệp vụ

Các phòng ban của Công ty là các đơn vị làm chức năng tham mưu chuyên môn, giúp Tổng Giám đốc điều hành trong việc tổ chức quản lý, thi hành các chế độ chính sách, các chỉ thị của cấp trên nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, đồng thời đảm bảo cho đời sống vật chất - tinh thần của Cán bộ Công nhân viên toàn Công ty được đảm bảo.

Các phòng nghiệp vụ bao gồm:

Phòng Tổ chức hành chính

Chức năng

- Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong công tác tổ chức, xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty; tổng hợp, đề xuất và tổ chức thực hiện công tác quản lý cán bộ và triển khai thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước
- Thực hiện và quản lý toàn bộ các công tác hành chính tại Công ty theo quy định

chung về quản lý hành chính của Nhà nước và của Công ty.

- Thực hiện Công tác tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực của Công ty
- Quản lý việc sử dụng tài sản hiện có của Công ty bao gồm: Nhà cửa, đất đai, xe máy, phương tiện, dụng cụ, thiết bị văn phòng... đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện công việc giao dịch hàng ngày, phục vụ tiếp khách, Hội nghị, Hội thảo, Chuyên đề, Sơ kết, Tổng kết, ... của Công ty; thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quy định, chính sách của cơ quan Pháp luật về nhân sự, trật tự, an ninh xã hội, các nghĩa vụ công dân đối với cơ quan chính quyền sở tại của các cán bộ nhân viên Công ty.
- Thực hiện công tác quản trị hậu cần, duy tu sửa chữa các trang thiết bị của công ty.
- Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, bộ phận thực hiện nhiệm vụ chung của Công ty theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ

Trong công tác tổ chức

- Đề xuất tổ chức bộ máy hoạt động, thành lập, giải thể, sáp nhập các bộ phận của Công ty

Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, cách thức làm việc của các phòng ban

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ hàng năm
- Quản lý cán bộ đi học, công tác nước ngoài theo đúng văn bản hướng dẫn của Công ty
- Quản lý lao động, theo dõi giám sát việc thực hiện chế độ làm việc theo Nội quy lao động của Công ty.
- Triển khai thực hiện đúng các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp cho cán bộ nhân viên Công ty.
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng quy định. Định kỳ cập nhật các thông tin cá nhân của CBCNV Công ty.

Trong công tác hành chính

- Sao chụp và phát hành tài liệu phục vụ nội bộ và đối ngoại của Công ty đảm bảo tính chính xác, bảo mật.
- Tiếp nhận, xử lý và lưu trữ công văn đi, đến theo quy trình; thực hiện công tác quản lý con dấu, Công tác văn thư; cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường theo quy định.
- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng
- Theo dõi, tổng hợp số liệu, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của

lãnh đạo Công ty.

- Quản lý sử dụng điện thoại, máy Fax, máy photocopy . . . đảm bảo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện công tác lễ tân: đón tiếp, theo dõi, hướng dẫn khách đến cơ quan làm việc. Phục vụ khách theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.
- Theo dõi cập nhật số liệu lao động xuất khẩu theo Hợp đồng
- Làm thủ tục xuất nhập cảnh cho cán bộ Công ty đi công tác nước ngoài và xin cấp hộ chiếu cho lao động xuất khẩu.
- Đăng ký với Cục quản lý lao động ngoài nước các Hợp đồng cung cấp lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công tác hậu cần

- Quản lý và theo dõi việc sử dụng nhà ở, nhà làm việc, máy móc, thiết bị văn phòng và các tài sản cố định khác làm cơ sở cho việc thanh toán và khấu hao tài sản hàng năm, đồng thời có kế hoạch sửa chữa, bảo hành, nâng cấp các tài sản này.
- Lập và trình Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch mua sắm, trang bị các thiết bị và phương tiện làm việc: bàn ghế, dụng cụ văn phòng... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời có kế hoạch sửa chữa, thanh lý thay thế các dụng cụ hỏng để nâng cao chất lượng phục vụ, cải thiện điều kiện làm việc trong Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy... đảm bảo an toàn về người và tài sản.
- Thực hiện vệ sinh, quét dọn lau chùi sạch sẽ hàng ngày những nơi công cộng trong khuôn viên Công ty, khu vực vệ sinh, phòng họp, phòng làm việc của Lãnh đạo và các phòng, ban; giữ gìn cảnh quan môi trường cơ quan Công ty luôn luôn xanh, sạch, đẹp.
- Thực hiện phục vụ tiếp khách hàng ngày của Công ty, phục vụ Hội nghị hội thảo, sơ kết, tổng kết. . . của Công ty.
- Quản lý phương tiện đi lại, phân công lái xe đưa đón cán bộ trong cơ quan đi công tác đảm bảo kịp thời, an toàn và tiết kiệm, đạt hiệu quả công việc cao.
- Thực hiện các công việc hiếu, hỷ của Công ty.
- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này.

Công tác Thi đua - Khen thưởng

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc phát động, theo dõi, tổng kết, khen thưởng phong trào thi đua góp phần thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Quản lý và thực hiện công tác khen thưởng định kỳ, khen thưởng hàng năm các danh hiệu thi đua : Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Cờ thi đua, Bằng khen, Huân

huy chương . . . theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên

- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Quản lý các thiết bị thông tin, tin học phục vụ công việc của Công ty
- Quản trị kỹ thuật Website www.vinaconexmec.vn, trực tiếp phụ trách chuyên mục tin tức sự kiện trên website Công ty.
- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này.

Quan hệ cổ đông

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến định hướng, chiến lược về quan hệ cổ đông cũng như dự kiến ngân sách cho hoạt động quan hệ cổ đông của Công ty
- Phối hợp với các Phòng, ban có liên quan của Công ty trong việc xây dựng các quy chế nội bộ của Công ty liên quan đến việc cung cấp và công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cũng như các thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật
- Phối hợp với các Phòng, ban liên quan của Công ty trong việc xây dựng tài liệu công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Công ty cho cổ đông.
- Phối hợp với các Phòng, ban liên quan của Công ty trong việc đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Phòng Tài chính Kế toán

Chức năng

- Tạo lập các nguồn vốn phục vụ cho sự nghiệp đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.
- Đề xuất phương án phân phối kết quả sản xuất kinh doanh theo chế độ tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ đối với mọi hoạt động tài chính kế toán của công ty.
- Lập các báo cáo tài chính - kế toán phục vụ cho công tác quản lý của nhà nước và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức quản lý, theo dõi hoạt động tài chính kế toán ở các công ty con.

- Phối hợp với các Phòng ban khác trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tham gia quản lý đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính - kế toán trong Công ty mẹ

Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về các chỉ tiêu tài chính phù hợp với chiến lược và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo từng thời kỳ của Công ty.
- Tham gia ý kiến các dự án đầu tư của Công ty trong phạm vi nghiệp vụ của Phòng.
- Chuẩn bị và thực hiện tạo lập các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách, các quỹ của đơn vị, vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính ở trong nước để phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán sản xuất kinh doanh tại Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính các dự án đầu tư của Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính của các công ty con
- Kiểm tra, kiểm soát, phân tích tình hình tài chính ở các Công ty con, thực hiện công tác kiểm toán nội bộ ở các đơn vị này.
- Lập các báo cáo tài chính, tham gia lập các báo cáo thống kê tương ứng với phạm vi quản lý của Công ty mẹ.
- Tham gia xây dựng và đề xuất kế hoạch tài chính hàng năm của các công ty con và Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty.
- Đề xuất phương án tổ chức bộ máy kế toán của Công ty, phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ tài chính, kế toán nòng cốt của các Công ty con, Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty.
- Chủ trì hoặc phối hợp với các phòng ban có liên quan của Công ty tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra về công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng và các lĩnh vực khác tại các công ty con, Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty khi có quyết định của lãnh đạo Công ty.
- Chủ trì hoặc tham gia cùng các phòng ban Cơ quan Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu, xuất khẩu lao động...
- Các nhiệm vụ khác theo phân công của lãnh đạo Công ty.

Phòng Xuất khẩu lao động I-II

Chức năng

- Tham gia cùng lãnh đạo Công ty đàm phán hợp đồng ngoại.
- Thực hiện nghiệp vụ liên quan đến tuyển chọn và cho lao động xuất khẩu theo đúng quy định

- Tham gia tuyển chọn lao động theo cơ cấu nghề cho từng đơn hàng
- Làm các thủ tục có liên quan để đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật
- Các Công việc khác thuộc lĩnh vực xuất khẩu lao động được lãnh đạo Công ty giao.

Nhiệm vụ

- Chủ động tìm kiếm và khai thác thị trường xuất khẩu lao động
- Lập kế hoạch trình lãnh đạo Công ty phê duyệt các hợp đồng xuất khẩu lao động để đàm phán với đối tác
- Đề xuất và thẩm định các hợp đồng xuất khẩu lao động của Công ty .
- Đề xuất phương án tài chính các khoản thu của người lao động theo quy định phù hợp với từng thị trường
- Tổ chức đưa đón người lao động xuất nhập cảnh
- Theo dõi, quản lý và thực hiện các hợp đồng xuất khẩu lao động của Công ty theo đúng quy trình từ khâu ký kết hợp đồng đến khi người lao động hoàn thành hợp đồng về nước.
- Thường xuyên kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng đề xuất với lãnh đạo Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh của lao động trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Hướng dẫn Công ty con hoặc xin ý kiến lãnh đạo Công ty lập các báo cáo tiền khả thi và khả thi cho các hợp đồng xuất khẩu lao động của các Công ty con.
- Theo dõi và hỗ trợ Công ty con trong việc thực hiện các hợp đồng xuất khẩu lao động.
- Thường xuyên báo cáo tình hình chuẩn bị và tiến độ thực hiện các hợp đồng xuất khẩu lao động cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan theo quy định.
- Phối hợp với Phòng Đào tạo lập kế hoạch, trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.
- Phối hợp cùng Phòng Nguồn nhân lực chuẩn bị nguồn lao động có tay nghề cao, các kỹ sư, đốc công cho các đơn hàng.
- Phối hợp với các phòng chức năng khác để thực hiện nhiệm vụ của mình
- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Các hợp đồng xuất khẩu lao động theo từng quý trong năm cũng như lập báo cáo tổng kết công tác trong năm và kế hoạch sẽ thực hiện trong năm tiếp theo.
- Các công việc khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

Phòng Nguồn Nhân lực và Đào tạo

Chức năng

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác xuất khẩu lao động của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn lao động xuất khẩu để cung cấp cho các thị trường ngoài nước.
- Tham mưu giúp lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.
- Xây dựng kế hoạch, định hướng cho lực lượng lao động có tay nghề sau khi hoàn thành hợp đồng về nước để cung cấp trở lại cho các thị trường trong nước và ngoài nước
- Chủ trì hoặc phối hợp với các phòng ban có liên quan lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao phục vụ trong nước và xuất khẩu .
- Hỗ trợ người lao động trong công tác vay vốn và làm các thủ tục cần thiết khác để đi làm việc ở nước ngoài.

Nhiệm vụ

- Tìm kiếm nguồn nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động cho các thị trường lao động
- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm nguồn lao động cho xuất khẩu lao động tại các địa phương, các Trung tâm giới thiệu việc làm, Sở Lao động Thương binh và Xã hội các Tỉnh, Thành trình lãnh đạo Công ty phê duyệt; tổ chức triển khai, theo dõi và báo cáo kết quả việc thực hiện các kế hoạch sau khi được phê duyệt và sau khi người lao động đã xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo từng địa phương, tỉnh, thành phố.
- Tham gia các hoạt động chương trình hội chợ giới thiệu việc làm để tìm kiếm nguồn nhân lực, tư vấn, giới thiệu và quảng bá hình ảnh của Công ty đến các cơ quan, địa phương và các cá nhân trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.
- Khai thác nguồn lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng.
- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty trong công tác tuyển chọn ban đầu, học nghề và thi tuyển.
- Giúp người lao động hoàn chỉnh các thủ tục cần thiết trước khi đi lao động ở nước ngoài như: Thủ tục vay vốn ngân hàng, hồ sơ sức khỏe, tư pháp...
- Các nhiệm vụ khác được giao trong lĩnh vực này.

Lĩnh vực Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho lực lượng lao động trong nước và lao động xuất khẩu của Công ty, trình lãnh đạo Công ty phê duyệt; tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện các kế hoạch này.

- Phối hợp với Trung tâm đào tạo áp dụng các giáo trình phục vụ cho các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động.
- Kết hợp với các phòng chức năng khác tổ chức các lớp học bồi dưỡng nâng cao tay nghề và những kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.
- Phối hợp với Cơ sở dạy nghề sưu tầm tài liệu để làm giáo trình giảng dạy sao cho sát với thực tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và giảm chi phí.
- Thường xuyên theo dõi công tác đào tạo tại Cơ sở dạy nghề, tổng hợp báo cáo kết quả công tác đào tạo cho lãnh đạo Công ty.
- Các nhiệm vụ khác được giao trong lĩnh vực này.

Công tác tổ chức thi tay nghề

- Tổ chức các khoá bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lao động.
- Tham gia Hội đồng thi tuyển lao động có tay nghề phục vụ hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty
- Các nhiệm vụ khác được giao trong lĩnh vực này.

2.2.6 Các Ban quản lý dự án

Hiện nay, Công ty đang xây dựng nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu. Ban quản lý dự án được thành lập để phục vụ dự án này.

- ✚ Chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án: Tổ chức, quản lý việc chuẩn bị, thực hiện đầu tư dự án xây dựng đồng bộ Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu theo sự phân công, phân cấp của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành của Tổng công ty cũng như Điều lệ Công ty.
- ✚ Thành lập Ban chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu gồm các ông bà có tên sau :
 - Ông Vũ Minh Phú - Giám đốc Ban
 - Ông Nguyễn Bá Đồng - Phó Giám đốc Ban
 - Ông Ngô Sĩ Tuấn - Thành viên
 - Bà Trần Kim Oanh - Thành viên
 - Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên
 - Ông Vũ Ngọc Kiên - Thành viên

3. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Bảng 3: Các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 05/04/2010

Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	1.326.000	44,20
Tổng cộng			1.326.000	44,20

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 05/04/2010)

Bảng 4: Các cổ đông sáng lập theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ 4 ngày 19/6/2009

STT	Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	1.326.000	44,20
2	Công ty CP Cơ giới, Lắp máy và xây dựng	0103001651	Lô E9, đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN	130.000	4,33
3	Thân Thế Hà	011807873	35 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, HN	13.000	0,43
Tổng cộng				1.469.000	48,96

(Nguồn: GCNĐKKD thay đổi lần thứ 4 ngày 19/6/2009)

Bảng 5: Các cổ đông sáng lập theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/04/2010

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	1.326.000	44,20
2	Công ty CP Cơ giới, Lắp máy và xây dựng	0103001651	Lô E9, đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN	130.000	4,33
3	Thân Thế Hà	011807873	35 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, HN	110.000	3,66
Tổng cộng				1.566.000	52,19

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/04/2010)

Theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005 theo đó các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ số lượng cổ phần của mình trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, theo đó Số lượng cổ phần của Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng kể từ ngày 03/05/2007 đến 03/05/2010.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/04/2010

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	% vốn điều lệ
I.	Trong nước	656	3.000.000	30.000.000.000	100,00
	Tổ chức	02	1.456.000	14.560.000.000	48,53
	Cá nhân	654	1.544.000	15.440.000.000	51,47
II	Nước ngoài	0	-	-	-
	Tổ chức	0	-	-	-
	Cá nhân	0	-	-	-
Tổng cộng			3.000.000	30.000.000.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 05/04/2010)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

4.1. Danh sách công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết:

Không có

4.2. Danh sách công ty tổ chức niêm yết năm cổ phần chi phối

Bảng 7: Danh sách công ty con của Vinaconex MEC

Tên công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận ĐKKD	VĐL (triệu đồng)	Số cổ phần năm giữ	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Kinh doanh Vinaconex Người đại diện: Ông Trần Văn Huy	Tầng 5 tòa nhà VIMECO, E9 đường Phạm Hùng, Cầu Giấy Hà Nội	Số 0103003327 cấp lần đầu ngày 6/12/2003, thay đổi lần 7 ngày 25/08/2008	10.000	510.000	5.100	51,00
Công ty CP Phát triển nhân lực và Thương mại Việt Nam Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tầng 6 tòa nhà TTTM Vinaconex, số 8 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	Số 0103001314 cấp lần đầu ngày 22/08/2002, thay đổi lần 6 ngày 11/05/2009	10.000	687.700	6.877	68,77

(Nguồn: Báo cáo đầu tư vào Công ty con của Công ty VINACONEX MEC)

Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex

Giấy phép thành lập: số 0103003327 cấp lần đầu ngày 6/12/2003, thay đổi lần 7 ngày 25/08/2008

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5 tòa nhà VIMECO, E9 đường Phạm Hùng, Cầu Giấy Hà Nội

Điện thoại: (04) 3784 8660

Fax: (04) 3784 8659

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn Huy** Chức danh: Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu, máy móc thiết bị ngành xây dựng, giao thông, cơ khí, nông nghiệp; Vật tư thiết bị ngành nước và môi trường; Dây chuyên thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất; Máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học; Hàng tiêu dùng; hàng thủ công mỹ nghệ và mặt hàng khác;

Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực và Thương mại Việt Nam

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực & Thương mại Việt Nam

Giấy phép thành lập: số 0103001314 cấp lần đầu ngày 22/08/2002, thay đổi lần 6 ngày 11/05/2009

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà TTTM Vinaconex, số 8 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3355 5688

Fax: (04) 3355 5866

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trung Hiếu** Chức danh: Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chính: Đào tạo và làm các dịch vụ cho các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động.

5. Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm & dịch vụ chính của Công ty gồm: Xuất khẩu lao động và xuất nhập khẩu hàng hóa:

Xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là lĩnh vực truyền thống gắn liền với sự ra đời và phát triển của Vinaconex. Từ khi thành lập, một trong những nhiệm vụ chính của Vinaconex là cung cấp và quản lý lực lượng chuyên gia và lao động xây dựng đi làm việc tại nước ngoài, Vinaconex đã trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực Xuất khẩu lao động. Cùng với sự trưởng thành của Tổng Công ty Vinaconex, trong 20 năm qua, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex đã đưa gần 70.000 lượt chuyên gia, kỹ sư và lao động đi làm việc ở trên 20 nước như Libya, Iraq, Algeria, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Cộng hòa Czech, UAE, Qatar, Lào... Hoạt động Xuất khẩu lao động bao gồm cung cấp lao động và nhận thầu, thầu phụ các công trình ở nước ngoài.



Công nhân Việt Nam tại công trường

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex có đội ngũ hàng trăm cán bộ, kỹ sư có trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cao, có trình độ ngoại ngữ, am hiểu thị trường nước ngoài và có tinh thần tâm huyết, trung thực hoạt động trong lĩnh vực Xuất khẩu lao động. Hoạt động Xuất khẩu lao động của Vinaconex được vận hành theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001-2000 đã được BVQI xác nhận và cấp chứng chỉ đảm bảo hoạt động có chất lượng trong tất cả các khâu từ việc đào tạo, tuyển chọn quản lý chuyên gia và lao động đi làm việc ở nước ngoài cũng như giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động...

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex còn có một hệ thống 02 trường có chất lượng để đào tạo dạy nghề, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho các kỹ sư, quản lý và lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex tiếp tục mở rộng hoạt động trong lĩnh vực Xuất khẩu lao động, coi đây là một lĩnh vực hoạt động quan trọng có ý nghĩa xã hội sâu sắc, trong đó đặc biệt chú trọng việc tăng cường mở rộng thị trường và tăng số lượng ngành nghề. Với thuận lợi là nhà cung cấp nhân lực uy tín ở trong và ngoài nước với gần 5000 cán bộ và công nhân có trình độ tay nghề cao và nhiệt tình, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex sẽ chú trọng đến việc cung cấp lao động qua việc nhận thầu các công trình lớn ở nước ngoài.

Cùng với việc mở rộng thị trường, tăng số lượng ngành nghề, Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex sẽ đa dạng hóa về hình thức, chất lượng lao động và tăng cường công tác quản lý đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Trong thời gian qua, Công ty đã được Cục Quản lý lao động ngoài nước lựa chọn là đơn vị thí điểm đưa lao động huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo nội dung Quyết định 71 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã triển khai tuyển chọn được hơn 500 lao động của 7 huyện nghèo thuộc 3 tỉnh Yên Bái, Bắc Kạn, Lào Cai. Hiện nay Công ty đã đưa được 65 lao động (Chủ yếu là dân tộc Mông) sang làm việc tại Libya. Trong quý 1 và quý 2 năm 2010, Công ty sẽ đưa tiếp khoảng hơn 400 lao động của các tỉnh trên đi làm việc ở nước ngoài. Với những kết quả trên Bộ lao động Thương binh & Xã hội, Cục Quản lý lao động ngoài nước đánh giá Công ty là doanh nghiệp xuất khẩu lao động đứng đầu trong hoạt động đưa người nghèo đi lao động xuất khẩu theo Quyết định 71 của Chính Phủ.

Kết quả: Tổng số số lao động đưa đi trong năm 2009 và số lao động hiện đang quản lý đến thời điểm 31/12/2009 như sau:

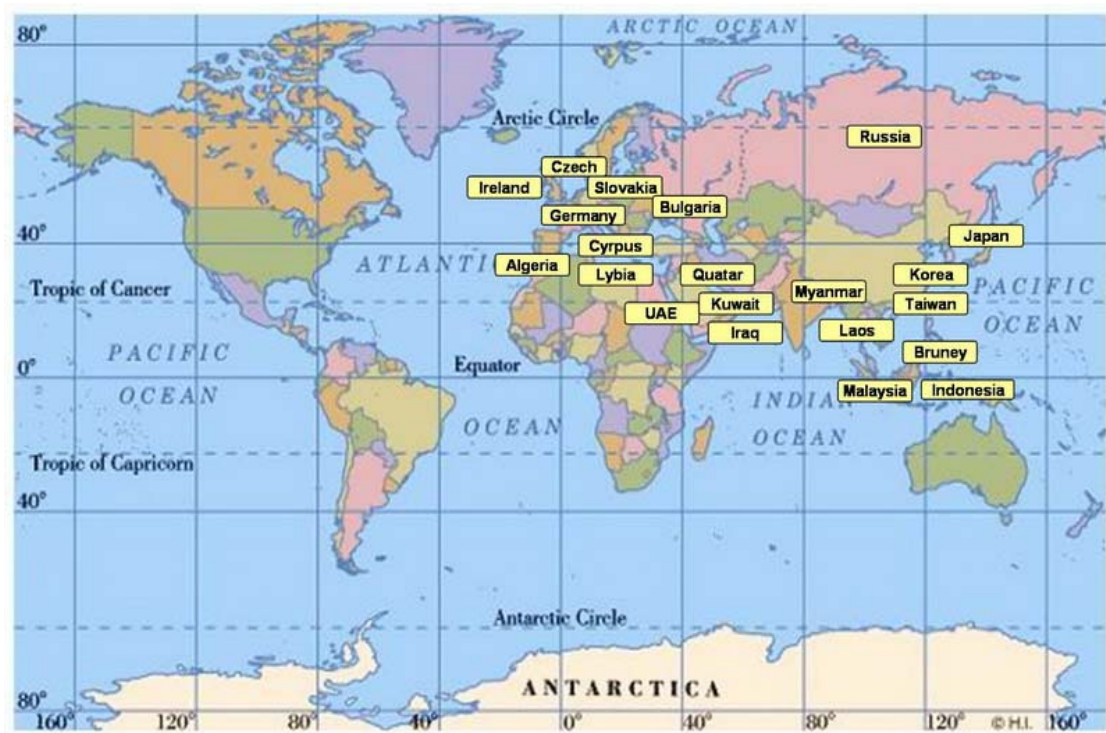
- Số lượng lao động xuất khẩu năm 2009 của toàn Công ty là: 2.438 người, trong đó Công ty mẹ là 2.158 người.
- Lượng lao động đang quản lý tại các nước đến 31/12/2009 là: 4.969 người, trong đó số lượng lao động của Công ty mẹ đang quản lý tại nước ngoài là 4.154 người.

Bảng 8: Số lượng lao động xuất khẩu và quản lý của Công ty mẹ
(Đến 31/12/2009)

TT	Thị trường	Lao động đưa đi	Lao động về nước	Lao động bỏ trốn	Lao động đang quản lý
1	Libya	1.829	187		2.576
2	Rumani	238	229	-	235
3	Algeria	62	41	-	676
4	Nhật Bản	27	29	-	151
5	Malaysia	2	14	-	207
6	Hàn Quốc	-	228	-	61
7	Cộng Hoà Séc	-	8	1	57
8	Liên Bang Nga	-	4	-	6
9	UAE	-	402	-	91
10	Đài Loan	-	64	-	56
11	Quarar	-	47	-	7
12	Arâpxêút	-	36	-	31
	Tổng cộng	2.158	1.289	1	4.154

(Nguồn: Công ty VINACONEX MEC)

Các nước Vinaconex MEC đã đưa lao động đi làm việc



Xuất nhập khẩu hàng hóa

Đây là hoạt động phụ của Công ty nhằm phục vụ các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hàng hóa công ty xuất nhập khẩu thay đổi theo năm tùy thuộc vào nhu cầu và diễn biến của thị trường. Một số mặt hàng công ty thường xuyên nhập khẩu gồm: máy móc vật tư thiết bị xây dựng, vật tư ngành nước, phụ gia ngành xây dựng, thức ăn gia súc

5.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 9a: Doanh thu dịch vụ qua các năm 2008-2009 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Sản phẩm/dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		%Tăng/giảm
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	
Xuất khẩu lao động	17.026	49,53%	30.073	81,37%	76,63%
Xuất nhập khẩu hàng hóa	11.753	34,19%	3.980	10,77%	- 66,14%
Doanh thu khác	5.695	16,28%	2.907	7,86%	-48,95%
Tổng Doanh thu	34.374	100%	36.960	100%	7,52%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2008, 2009)

Bảng 9b: Doanh thu dịch vụ qua các năm 2008-2009 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Sản phẩm/dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		%Tăng/giảm
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	
Xuất khẩu lao động	20.096	20.63%	33.758	18.49%	67.98%
Xuất nhập khẩu hàng hóa	69.847	71.69%	144.165	78.96%	106.40%
Doanh thu khác	7.482	7.68%	4.649	2.55%	(37.86)%
Tổng Doanh thu	97.425	100%	182.572	100%	87,40%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009)

Theo **Bảng 9b** khoản mục doanh thu bán hàng chủ yếu là mua bán máy móc thiết bị, thiết kế lắp đặt sửa chữa các công trình xây dựng của Công ty con Vinatra chiếm khoảng 70% tổng giá trị khoản mục. Khoản mục doanh thu cung cấp dịch vụ chủ yếu là xuất khẩu lao động của Công ty Cổ phần Nhân lực và thương mại Vinaconex chiếm đến 95% tổng giá trị khoản mục.

Doanh thu năm 2009 có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2008. Trong đó:

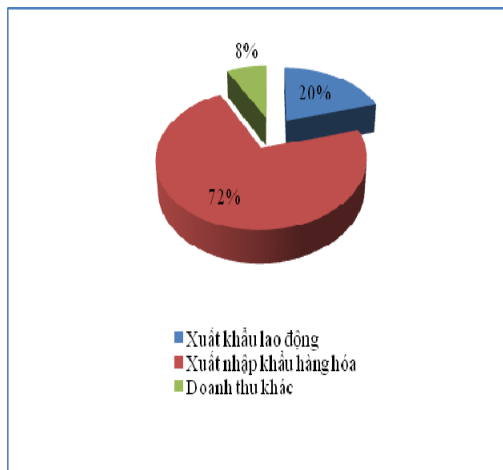
➤ **Xuất khẩu lao động**

Tính đến nay, Ban lãnh đạo Công ty đã có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động. Mặc dù ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, 2009 vẫn còn nhưng Công ty vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu vượt chỉ tiêu đặt ra. Cụ thể, doanh thu xuất khẩu lao động hợp nhất năm 2009 tăng 36,69% từ 28 tỷ đồng năm 2008 lên 38 tỷ đồng, trong đó công ty mẹ tăng 45,15% từ 22 tỷ đồng năm 2008 lên 33 tỷ đồng.

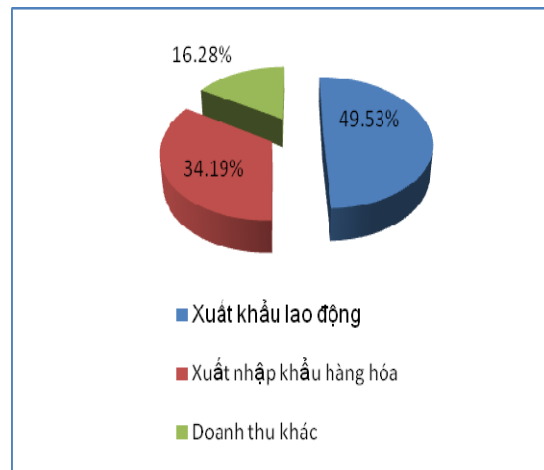
➤ **Xuất nhập khẩu hàng hóa**

Đây là lĩnh vực Công ty có thế mạnh truyền thống. Với mục tiêu chuyên môn hóa ngành nghề, Tổng Công ty Vinaconex đã chuyển nhượng cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Kinh doanh Vinaconex (Vinatra) cho Công ty Cổ phần Vinaconex Mec. Công ty Vinatra chuyên hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc thiết bị. Năm 2009, tỷ trọng doanh thu xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty mẹ chỉ đạt gần 4 tỷ đồng, chiếm 10,77% tổng doanh thu, giảm 66,14% so với năm 2008. Tuy nhiên, doanh thu xuất nhập khẩu hợp nhất lại tăng trưởng đột biến, năm 2009 tăng trưởng 108% so với năm 2008 đạt 144 tỷ đồng. Đạt được kết quả trên là sự nỗ lực của Công ty con Vinatra trong năm 2009 đã ký được hợp đồng cung cấp ống gang cho dự án phát triển mạng lưới cấp nước Tây Nam Hà Nội với tổng giá trị hơn 3 triệu USD và rất nhiều hợp đồng khác xuất nhập khẩu hàng hóa khác.

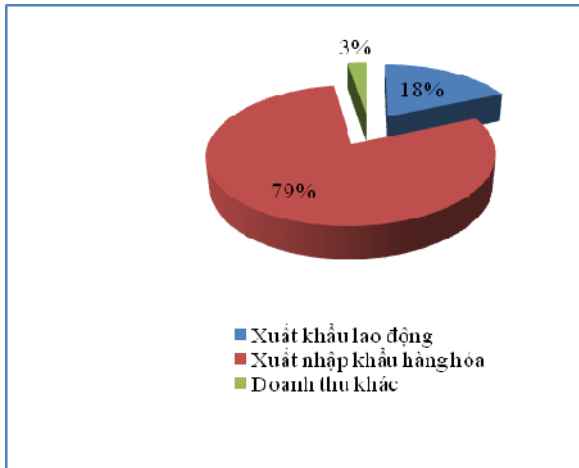
Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu năm 2008 (Hợp nhất)



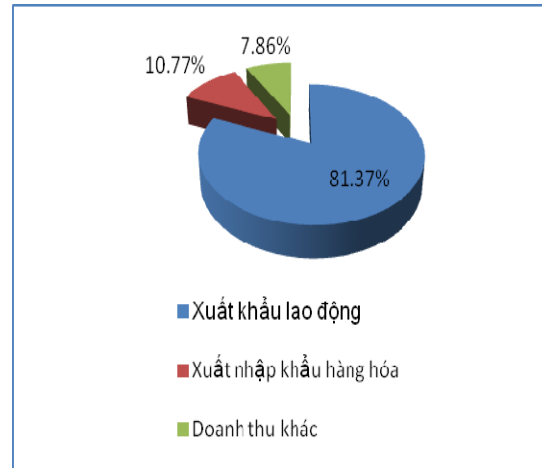
Biểu đồ 3: Cơ cấu doanh thu năm 2008 (Công ty mẹ)



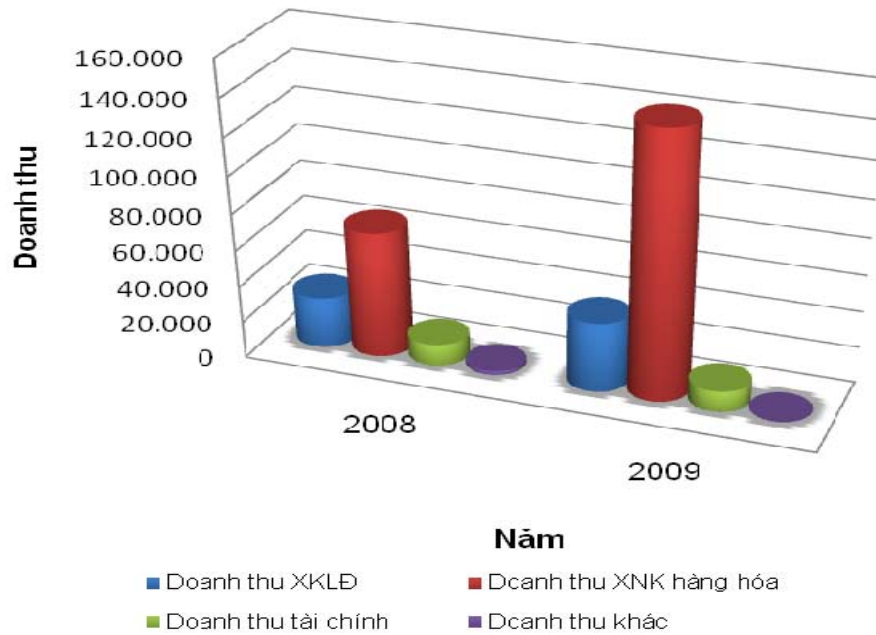
**Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu năm 2009
(Hợp nhất)**



**Biểu đồ 5: Cơ cấu doanh thu năm 2009
(Công ty mẹ)**



Biểu đồ 6: Tăng trưởng doanh thu năm 2008, 2009



5.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, nguyên vật liệu chính cho hoạt động của Công ty là:

- Lực lượng lao động;

- Các thiết bị xây dựng (máy khoan, máy xúc ...);
- Các thiết bị nước (ống nước).

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2009, dân số Việt Nam đạt gần 86 triệu người trong đó 2/3 dân số dưới 35 tuổi và tỉ lệ người biết chữ từ 90-95%. Có thể nói, lực lượng lao động trẻ đông đảo Việt Nam là nguồn nguyên liệu dồi dào cho công ty để phát triển hoạt động xuất khẩu lao động.

Theo nhận định của Công ty, thị trường nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định xét về mặt quy mô do sự dồi dào của nguồn cung ứng. Xét về chất lượng lao động, trình độ lao động trẻ đã được nâng cao và có trình độ chuyên môn kỹ thuật, đảm bảo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Chi phí tuyển chọn và đào tạo người lao động xuất khẩu chiếm một tỷ trọng lớn trong kết cấu chi phí của một doanh nghiệp xuất khẩu lao động, sự biến động của chất lượng lao động sẽ ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Chi phí tuyển chọn và đào tạo người lao động trong thời gian vừa qua có nhiều biến động theo chiều hướng tăng mạnh do một số nguyên nhân sau:

- Yêu cầu về ngoại ngữ và trình độ chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao của đối tác nước ngoài;
- Nhu cầu lao động của đối tác thu hẹp do tình hình kinh tế chưa hoàn toàn phục hồi, cắt giảm lao động thừa chỉ giữ lại lao động có trình độ cao.

5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần

Bảng 10a: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2008, 2009 của công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009	
		Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần
I	Doanh thu thuần	34.473	100	36.960	100
II	Chi phí	31.476	91,31	24.026	65,01
1	Giá vốn hàng bán	22.775	66,07	15.368	41,58

2	Chi phí tài chính	227	0,66	5	0,01
3	Chi phí bán hàng	236	0,68	9	0,02
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.238	23,90	8.644	23,39

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 Công ty Vinaconex MEC

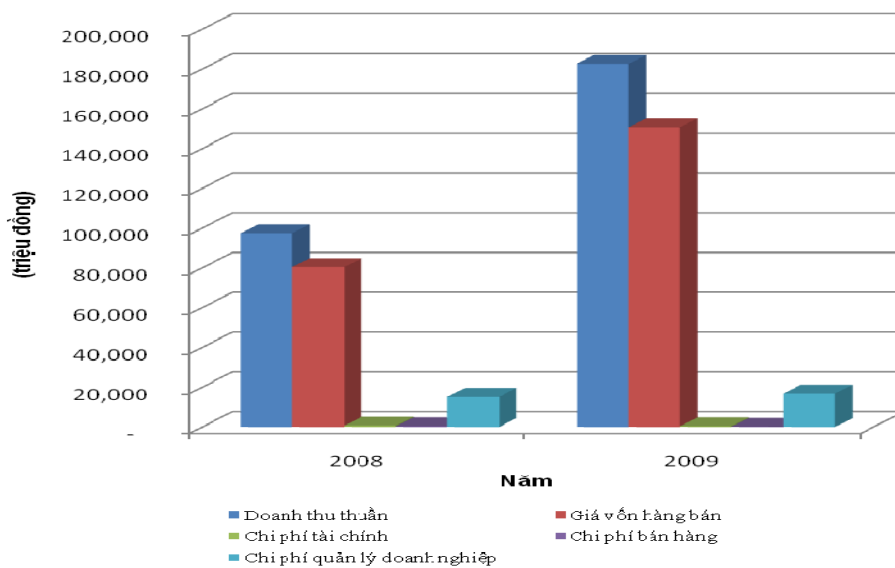
Bảng 10b: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2008, 2009 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009	
		Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần
I	Doanh thu thuần	97.425	100	182.571	100
II	Chi phí	96.690	99,25	168.028	92,03
1	Giá vốn hàng bán	80.411	82,54	150.720	82,55
2	Chi phí tài chính	715	0,73	393	0,22
3	Chi phí bán hàng	389	0,40	109	0,06
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.123	15,52	16.803	9,20

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 của Công ty Cổ phần Vinaconex MEC

Biểu đồ 7: Các loại chi phí so với doanh thu thuần (hợp nhất)



- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán năm 2009 của toàn Công ty tăng 87,43% so với năm 2008. Nguyên nhân là do Vinatra – công ty con của Vinaconex MEC mở rộng hoạt động

nhập khẩu ống gang nên làm cho giá vốn hàng hóa tăng cao.

- *Chi phí tài chính và chi phí bán hàng:* Tỷ trọng chi phí tài chính và chi phí bán hàng/doanh thu thuần của công ty năm 2009 lần lượt là 0,22% và 0,06%, giảm so với năm 2008 là 0,73% và 0,4%. Điều này thể hiện năng lực kiểm soát tốt chi phí, đảm bảo tỷ lệ hợp lý, hướng đến sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần của công ty giảm từ 15,52% năm 2008 xuống còn 9,2% năm 2009, cho thấy công ty đang ngày càng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

5.4. Trình độ công nghệ

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, Công ty chú trọng vào công tác tuyển chọn và đào tạo, công tác quản lý lao động. Cụ thể:

Công tác tuyển chọn và đào tạo

Với mục tiêu “Nâng cao chất lượng lao động để giữ vững và mở rộng thị trường”, vì vậy, việc đào tạo nghề nâng cao chất lượng tuyển chọn và bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động sau khi đã trúng tuyển cũng như việc trang bị những hiểu biết cần thiết về pháp luật Việt Nam, pháp luật cũng như phong tục tập quán, nếp sống, sinh hoạt và làm việc của nước tiếp nhận lao động, áp dụng việc lồng ghép đào tạo ngoại ngữ trong quá trình đào tạo nghề để người lao động nhanh chóng thích nghi với điều kiện sống và làm việc ở nước ngoài luôn luôn được Công ty đặt lên hàng đầu.

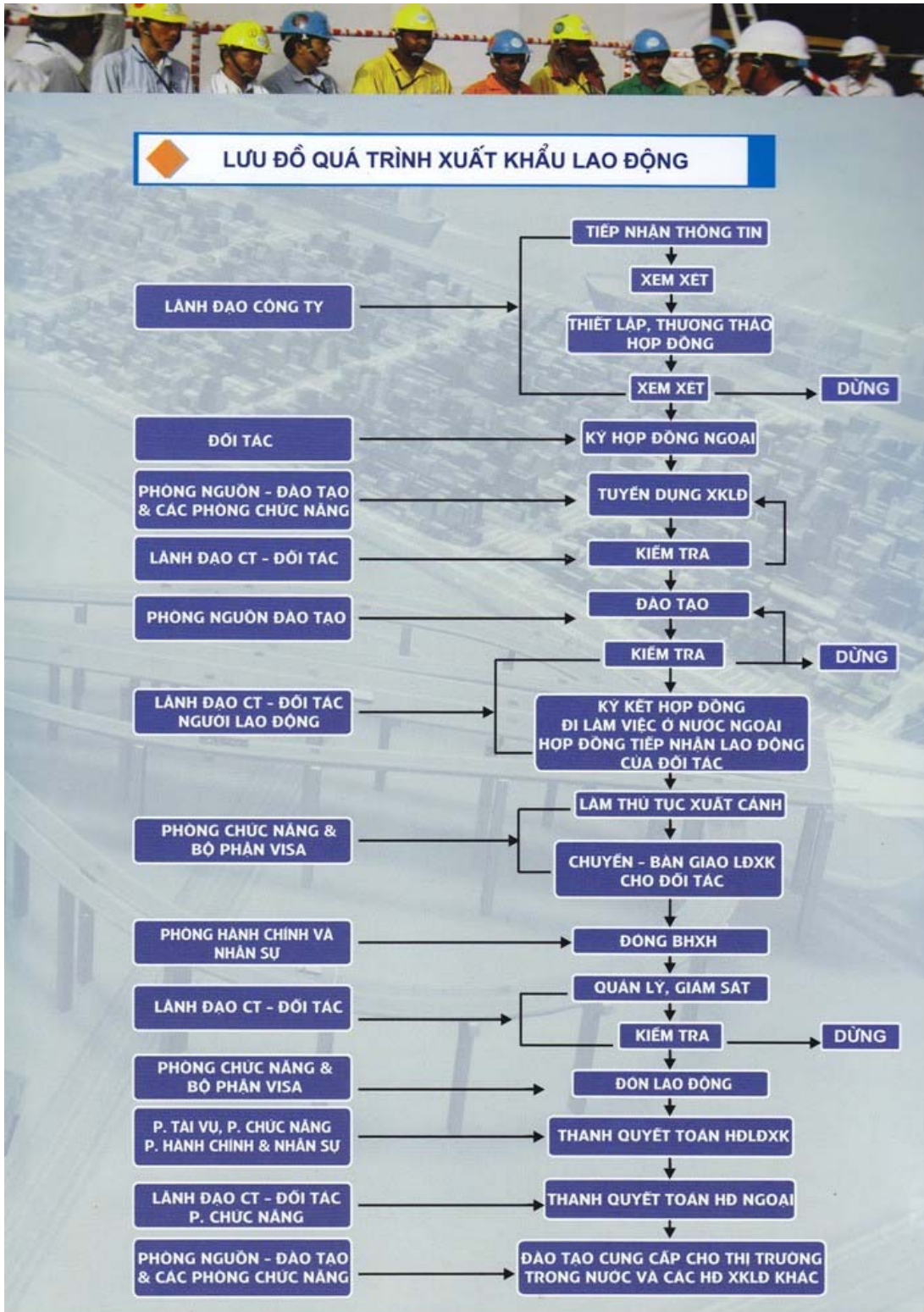
Để đáp ứng với yêu cầu hiện nay, Công ty đã đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường và có một đội ngũ giáo viên dạy nghề có tay nghề cao đã qua thực tiễn ở nước ngoài. Kết quả đã đào tạo nâng cao tay nghề cho hơn 2.000 lao động.

Trong năm 2009, Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chọn Trung tâm Đào tạo và Dạy nghề của Công ty để đào tạo nghề cho lao động các huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo nội dung của Quyết định 71 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay Công ty được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề cho 600 lao động khác đi XKLD.

Công tác quản lý lao động

Bổ sung cán bộ, nâng cao đời sống sinh hoạt và điều kiện làm việc cho cán bộ Văn phòng đại diện tại nước ngoài, thường xuyên thông tin liên lạc với các đối tác, đại diện ở nước ngoài, đội trưởng để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để quản lý và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

Lưu đồ xuất khẩu lao động



5.5. Tình hình nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm mới

Với truyền thống lâu năm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các thị trường xuất khẩu chính như Libya, Trung Đông, Rumani, Algieria, Arapxêút và Nhật Bản...

Ngoài ra công ty tích cực mở rộng hoạt động đối ngoại, căn cứ báo cáo hàng năm của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về nhu cầu lao động quốc tế, Công ty cử người đi khảo sát các thị trường tiềm năng, nghiên cứu đặc điểm các thị trường để có thể thâm nhập và đưa lao động sang các thị trường này.

Bên cạnh hoạt động XKLD, công ty đã nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Đó là viên nén nhiên liệu được sản xuất từ phế liệu mùn cưa, vỏ bào và các phụ phẩm nguyên liệu ngành giấy để xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu. Viên nén sẽ được dùng làm nhiên liệu thay thế chất đốt như gas, than, dầu. Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu đang được xây dựng sẽ tận dụng được phế liệu, đặc biệt không gây ô nhiễm môi trường.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Với kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ trong nhiều năm qua, Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex luôn coi trọng chất lượng dịch vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh. Là doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực như cung ứng lao động, du lịch dịch vụ, kinh doanh XNK và đào tạo, Công ty luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng phục vụ là mục tiêu hàng đầu để đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững của công ty. Chất lượng các dịch vụ là uy tín, hiệu quả hoạt động và là nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Để đảm bảo cho chất lượng dịch vụ không ngừng được cải tiến và nâng cao, yếu tố con người luôn được Công ty coi trọng và bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn. Công ty luôn xác định rõ tầm quan trọng của chữ tín trong kinh doanh trên cơ sở xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Mỗi CBCNV trong Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng này trong quá trình làm việc.

Cán bộ và nhân viên Công ty không ngừng phấn đấu để xây dựng thực hiện duy trì và cải thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của lĩnh vực mà Công ty tham gia, góp phần tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt nhất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nhằm liên tục cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã áp dụng thành công “Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2000” trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh.



5.7. *Hoạt động Marketing*

Do đặc thù sản phẩm của công ty là xuất khẩu lao động do vậy công ty chưa thành lập bộ phận Marketing chuyên biệt, nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra nhiều chính sách phát triển thị trường và đã thực thi khá hiệu quả. Hoạt động marketing của Công ty chủ yếu tập trung vào các hoạt động sau:

Hoạt động Quảng cáo

Được thành lập từ năm đầu của quá trình đổi mới phát triển đất nước, qua hơn 20 năm phát triển, thương hiệu VINACONEX MEC đã được khẳng định trên thị trường với chất lượng người lao động có trình độ kỹ thuật cao. Ngoài các khách hàng truyền thống, Công ty không ngừng đẩy mạnh công tác quảng cáo, và giới thiệu trên website chuyên ngành; tham gia các

Hội chợ triển lãm giới thiệu việc làm trong và ngoài nước, tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm giữ mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết hơn đối với khách hàng.

Hoạt động nghiên cứu thị trường

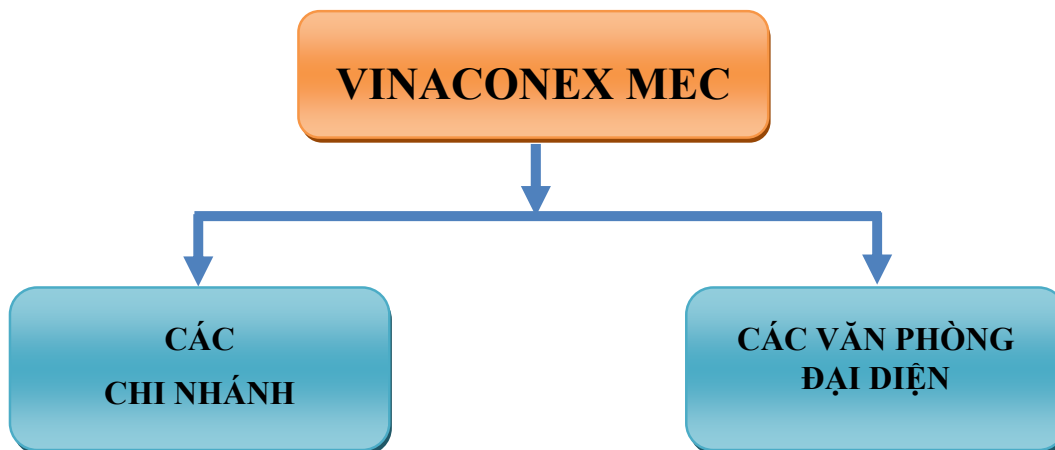
Hoạt động nghiên cứu và phát triển thị trường của VINACONEX MEC được phòng Xuất khẩu lao động I-II đảm nhiệm. Phòng Xuất khẩu lao động I-II thực hiện việc tìm kiếm, nghiên cứu và khai thác thị trường xuất khẩu lao động.

Hệ thống chi nhánh, văn phòng đại diện

Nguồn lao động xuất khẩu của Công ty phục vụ cho rất nhiều ngành nghề thuộc mọi thành phần kinh tế nên công ty thiết kế mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện cả trong nước và nước ngoài. Cụ thể như sau:

- 02 chi nhánh tại Hải Dương và Đà Nẵng.
- 04 văn phòng đại diện tại UAE, Shimizu, Algeria, Hàn Quốc và Libya.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI SẢN PHẨM/DỊCH VỤ



5.8. Biểu tượng (Logo) của Công ty



Công ty sử dụng thương hiệu và logo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam đã được đăng ký sở hữu trí tuệ tại Hoa Kỳ ngày 11/10/2005, tại Hàn Quốc ngày 16/11/2004, tại Việt Nam ngày 02/05/2003.

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Các hợp đồng lớn đã ký kết - thực hiện tính đến tháng 2/2010

STT	HỢP ĐỒNG	SỐ LƯỢNG (người)	DOANH THU (USD)	THỜI HẠN HỢP ĐỒNG	GHI CHÚ
I	Thị trường LIBYA	13.995	6.924.244		
	Một số HĐ tiêu biểu				
1	Đông Á	4.928	2.956.800	1994 - 2009	Đã thực hiện
2	LBCD	431	203.520	2/2008 - 2/2010	Đang thực hiện
3	STFA	1.665	799.280	12/2007 - 12/2009	Đang thực hiện
4	GALVAO	1.091	214.525	2/2009 - 8/2011	Đang thực hiện
5	AG	503	151.820	8/2009 - 8/2011	Đang thực hiện
6	WAHA	2.027	868.400	2009 - 2011	Đang thực hiện
7	HANIL	1.504	548.350	2009 - 2011	Đang thực hiện
8	Andrade Guitierrez	603	311.620	2010-2012	Chưa thực hiện
II	Thị trường ALGERIA	874	623.340	5/2007 - 5/2010	Đang thực hiện
III	TT. UAE - SHIMIZU	1.256	598.502	09/2006 - 09/2007	Đã thực hiện
IV	TT. HÀN QUỐC	4.086	820.224	2003 - 2009	Đang thực hiện
V	TT. ĐÀI LOAN	807	1.392.075	2000 - 2009	Đang thực hiện
VI	TT KHÁC	1585	3.654.868		Đang thực hiện
	Tổng cộng	22.603	14.013.253		

Nguồn: Báo cáo tổng hợp các hợp đồng đã ký kết của Công ty Vinaconex MEC

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Bảng 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Tăng/giảm (%) năm 2009 so với năm 2008	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị tài sản	220.025	127.377	267.042	136.206	21,37	6,93
2	Doanh thu thuần	97.425	34.473	182.571	36.960	87,40	7,21
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	12.633	13.016	26.054	23.658	106,24	81,76
4	Lợi nhuận khác	2.009	84	313	32	-84,42	-61,90
5	Lợi nhuận trước thuế	14.642	13.101	26.368	23.691	80,08	80,83
6	Lợi nhuận sau thuế	10.737	9.731	21.682	19.810	101,94	103,58
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	37,25%		27,67%			
8	Cổ tức	20%		20%			

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và công ty mẹ các năm 2008 - 2009

(*) Lợi nhuận để chi trả cổ tức / Tổng lợi nhuận sau thuế

Cuộc khủng hoảng năm 2008 với hậu quả là lạm phát gia tăng, thắt chặt tín dụng, cắt giảm lao động, nhu cầu nhân lực giảm sút ... ít nhiều cũng ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo đã có những định hướng và chỉ đạo đúng đắn giúp Công ty hoàn thành vượt kế hoạch.

Đạt được kết quả trên là do trong năm 2009 Công ty đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động với nhiều hợp đồng có giá trị cao. Đồng thời, hoạt động đào tạo nghề hỗ trợ lao động xuất khẩu có bước tăng trưởng mạnh góp phần làm tăng doanh thu của Công ty.

Lợi nhuận Công ty năm 2009 tăng trưởng mạnh so với năm 2008 là do doanh thu xuất khẩu lao động năm 2009 chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu và đây là hoạt động kinh doanh có tỷ suất lợi nhuận cao. Thêm vào đó việc quản lý chi phí chặt chẽ đã giúp doanh nghiệp có được kết quả lợi nhuận rất tốt. Cụ thể lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 so với năm 2008 đã tăng trưởng hơn 80%, và theo báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2009 so với năm 2008 cũng đã tăng trưởng gần 81%.

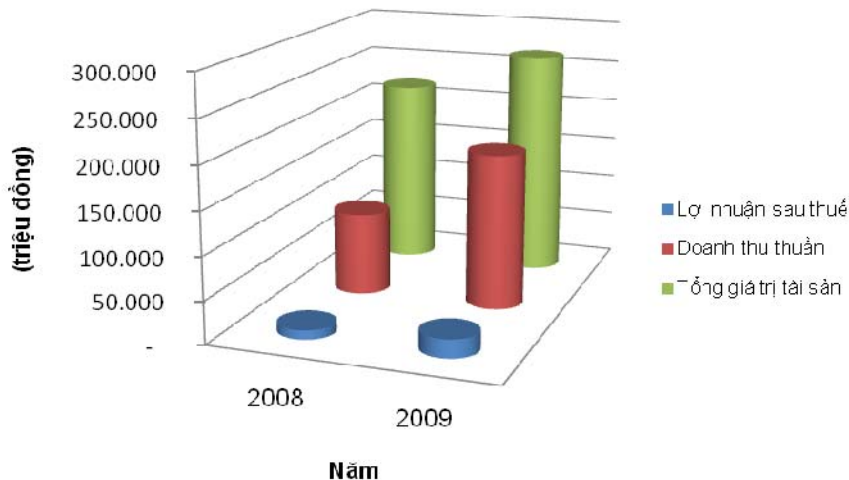
Cụ thể theo báo cáo tài chính hợp nhất toàn Công ty:

Tổng giá trị tài sản tăng 21,37% đạt 267 tỷ đồng, **doanh thu thuần** đạt hơn 182 tỷ đồng tăng 87,40% và **lợi nhuận từ HĐKD** đạt 26 tỷ đồng tăng 106,24

Lợi nhuận khác đạt 313 triệu đồng, giảm 84,42% so với năm 2007 do ảnh hưởng của lạm phát nên việc xuất nhập khẩu hàng hóa khó khăn.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty cũng tăng tương ứng 80,08% đạt 26 tỷ đồng và 101,94% đạt 21 tỷ đồng.

Biểu đồ 9: Kết quả hoạt động kinh doanh



6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.2.1. Các nhân tố thuận lợi

- Là thành viên của Tổng công ty VINACONEX đã có bề dày kinh nghiệm và uy tín trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài;
- Có đội ngũ cán bộ công tác nhiều năm và được trưởng thành trong công tác quản lý Xuất khẩu lao động;
- Sự đoàn kết chặt chẽ và thống nhất trong Ban lãnh đạo Công ty cùng với một tập thể cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực, sáng tạo, có tư tưởng vững vàng, toàn tâm cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của Công ty;
- Được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ đối với lĩnh vực Xuất khẩu lao động, được Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Tổng công ty luôn theo sát hoạt động của công ty cùng với sự giúp đỡ của các ban ngành;
- Có Luật quy định về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

6.2.2. Các nhân tố khó khăn

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao kéo theo tình trạng lao động thất nghiệp nên nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại một số quốc gia cũng giảm mạnh, tạo ra cạnh tranh gay gắt giữa các công ty của các nước cung ứng lao động;
- Một số lao động ý thức tổ chức kỷ luật kém làm ảnh hưởng đến hình ảnh của lao động Việt Nam gây khó khăn cho việc tiếp tục phát triển và giữ vững thị trường ;
- Hiện nay có hơn 160 doanh nghiệp có giấy phép dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, vì vậy sự cạnh tranh trong hoạt động xuất khẩu lao động ngày càng quyết liệt hơn ở trong nước và nước ngoài. Việc các doanh nghiệp tự đẩy phí hỗ trợ tạo nguồn tại các địa phương đã gây khó khăn trong công tác tạo nguồn lao động;
- Người lao động còn gặp phải nhiều khó khăn trong khâu làm thủ tục vay vốn ở một số ngân hàng;
- Do sáp nhập thành phố Hà Đông, Hà Tây về thủ đô Hà Nội nên thủ tục hồ sơ Dự án xây dựng trường đào tạo Nhân lực Vinaconex tại Hà Đông, Hà Tây khác với yêu cầu thủ tục hồ sơ để xin thu hồi và giải phóng mặt bằng của Hà Nội, vì vậy thời gian hoàn tất hồ sơ đã làm chậm tiến độ xây dựng Trường.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, Công ty được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đánh giá là 1 trong 10 đơn vị đứng đầu trong cả nước về xuất khẩu lao động. Tính đến 11 tháng năm 2009, tổng số lao động Việt Nam đi xuất khẩu lao động trong cả nước lên đến 65.787 lao động, trong đó Công ty đã xuất khẩu được 2.438 người, chiếm 3,7%. Trong đó, Libya là thị trường Công ty đưa được nhiều lao động nhất với 1.829 người, chiếm hơn 40% tổng số lao động cả nước xuất khẩu sang thị trường này (4.550 người).

Trong thời gian qua, Công ty đã được Cục Quản lý lao động nước ngoài lựa chọn là đơn vị thí điểm đưa lao động huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định 71 của Chính phủ. Công ty đã vào cuộc với tất cả sự nhiệt tình, quyết tâm và trách nhiệm. Vì vậy, Công ty đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Quản lý lao động nước ngoài đánh giá là doanh nghiệp đi đầu trong công tác đưa người nghèo đi xuất khẩu lao động.

Các đối thủ cạnh tranh lớn khác của Công ty trong lĩnh vực hoạt động này bao gồm Airserco, Sona, Sovilaco, AIC, Suleco, Vinamotor, LOD. ...

Đặc biệt, lao động đi xuất khẩu qua Công ty chấp hành kỷ luật tốt đều hoàn thành hợp đồng và không bị rủi ro, vì vậy không có bất kỳ vụ tranh chấp nào xảy ra nên thương hiệu Vinaconex MEC ngày càng có uy tín.

Công ty thường xuyên duy trì được quan hệ chặt chẽ với trên 100 Công ty đối tác tại các nước Libya, Algeria, Rumani, Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc... Các hợp đồng ký kết với

đối tác nước ngoài thường có điều kiện làm việc, thu nhập, sinh hoạt tốt, chi phí môi giới thấp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Công ty đã nghiên cứu đề ra nhiều biện pháp để tăng cường chất lượng đào tạo lao động, đáp ứng tốt yêu cầu của chủ sử dụng lao động cả về tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường lao động thế giới bắt đầu hồi phục. Hiện Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội vẫn tập trung phát triển các thị trường truyền thống đã và đang nhận nhiều lao động Việt Nam với số lượng lớn như: Đài Loan, Malaysia, Trung Đông, Bắc Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc. Đây là những thị trường luôn tiếp nhận số lượng lao động Việt Nam với yêu cầu không quá cao tay nghề, ngoại ngữ, phù hợp với lao động Việt Nam. Cụ thể:

Malaysia vẫn là thị trường có khả năng tiếp nhận nhiều lao động Việt Nam. Trong năm 2010, cần đẩy mạnh số lượng lao động đưa sang làm việc tại Malaysia.

Trung Đông là thị trường trọng điểm đưa lao động đi trong những năm tới. Bộ sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai chương trình đưa 4.000 lao động sang làm nhân viên bảo vệ tại UAE. Đây là chương trình hợp tác giữa Chính phủ hai nước nên nếu thực hiện tốt sẽ là cơ sở để tiếp tục mở rộng hợp tác lao động giữa hai nước. Bên cạnh đó, Ả rập Xê út cũng là quốc gia Bộ dự kiến tăng cường đầu tư, khai thác để đưa lao động sang làm việc.

Thị trường Đài Loan vẫn là một thị trường trọng điểm, đang có nhu cầu tiếp nhận lao động Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất chế tạo và khán hộ công trong viện dưỡng lão. Tuy nhiên, Đài Loan vẫn chưa nhận trở lại lao động làm việc trong lĩnh vực thuyền viên tàu cá biển gần và giúp việc gia đình. Trong năm 2010, Bộ sẽ tiếp tục chỉ đạo, xúc tiến tổ chức Hội nghị lao động với Đài Loan, từ đó mở rộng số doanh nghiệp và các ngành nghề lao động phía Đài Loan tiếp nhận để nâng cao thị phần lao động Việt Nam tại Đài Loan.

Sau khi được dỡ bỏ cấm vận, *Libya* hiện đang có nhu cầu xây dựng lại đất nước nên khả năng tiếp nhận lao động nước ngoài vào làm việc cao, dự kiến từ 30-40 nghìn lao động/năm. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội chỉ đạo Cục Quản lý lao động ngoài nước xây dựng phương án triển khai thị trường Libya để mở rộng một cách bền vững theo phương châm doanh nghiệp đưa lao động đi phải phù hợp với khả năng quản lý lao động ở nước ngoài.

Hàn Quốc trong những năm vừa qua là nước mà nhiều người lao động Việt Nam mong muốn đến làm việc. Số lượng lao động Việt Nam được ký hợp đồng và sang làm việc tại Hàn Quốc luôn đứng đầu trong các nước đưa lao động sang Hàn Quốc. Trong năm 2010, Bộ sẽ phối hợp với cơ quan hữu quan của Hàn Quốc tiếp tục quảng bá lao động Việt Nam, thúc đẩy việc tổ chức kiểm tra tiếng Hàn dành cho lao động có nguyện vọng sang làm việc tại Hàn Quốc. Với sự phục hồi của nền kinh tế Hàn Quốc và sự cố gắng của Việt Nam, năm 2010 Hàn Quốc sẽ tiếp nhận thêm 12.500 lao động Việt Nam theo chương trình Luật cấp phép lao động nước ngoài (EPS).

Với thị trường *Nhật Bản*, Bộ sẽ chỉ đạo các doanh nghiệp phái cử tu nghiệp sinh sang Nhật Bản thực hiện theo quy định mới của phái Nhật Bản; Đẩy mạnh hợp tác việc chương trình đưa tu nghiệp sinh sang Nhật Bản với tổ chức IMM, dành đáng kể chi tiêu của chương trình cho những đối tượng lao động thuộc huyện nghèo; Xúc tiến đàm phán sớm để ký kết Hiệp định về đưa lao động sang Nhật Bản trong khuôn khổ Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam- Nhật Bản và chuẩn bị điều kiện, đào tạo chuẩn bị nguồn lao động triển khai chương trình này.

Ngoài các thị trường trên, Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội tiếp tục chỉ đạo các cơ quan và doanh nghiệp XKLD tập trung khai thác hợp đồng đưa lao động trình độ cao sang các nước như Úc, New Zealand, Canada...

7.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

Chiến lược phát triển của Công ty được xác định cụ thể đến năm 2015 là:

- Là một trong những nhà cung ứng nhân lực hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực.
- Trở thành nhà thầu phụ cung cấp nhân lực cho các công trình lớn trên thế giới.
- Trở thành Tổng công ty đa ngành vào năm 2012 hoạt động trên các lĩnh vực cung ứng nhân lực; kinh doanh xuất nhập khẩu; chế tạo và gia công cơ khí; du lịch dịch vụ; đào tạo; kinh doanh bất động sản; tài chính...
- Tiếp tục xây dựng VINACONEXMEC trở thành thương hiệu mạnh trên trường quốc tế.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm tháng 4/2010, Công ty VINACONEX MEC có 70 người. Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 13: Cơ cấu lao động tại tháng 4/2010

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ (%)
I	Phân theo trình độ	70	100,00
1	Đại học và trên đại học	50	71,43
2	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	16	22,86
3	Công nhân kỹ thuật	4	5,71
II	Phân theo hợp đồng lao động	70	100,00
1	Hợp đồng dài hạn	64	91,43
2	Hợp đồng ngắn hạn (1 năm)	0	-
3	Lao động thời vụ	6	8,57

Nguồn: Báo cáo nhân sự của Công ty VINACONEX MEC

8.2. Các chính sách đối với người lao động

- Công ty xây dựng và áp dụng các chính sách lao động phù hợp với qui định của Luật lao động, các qui định có liên quan đồng thời khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
- Chế độ lương: Công ty trả lương theo năng lực cho CBCNV (mức lương không thấp hơn lương tối thiểu của Nhà nước quy định nhân với hệ số lương cơ bản của người lao động). Công ty xây dựng thang bảng lương phù hợp với thực tế hiện nay.
- Chính sách thưởng: Tùy vào hiệu quả sản xuất kinh doanh, thưởng 1 hoặc 2 tháng lương thu nhập, được phân phối theo thời gian làm việc thực tế trong năm và lương công việc của người lao động tại thời điểm phân bổ. Phúc lợi xã hội cho nhân viên Công ty trả trợ cấp xã hội và y tế theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra hàng năm công ty đều tổ chức cho CBCNV công ty đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài từ nguồn phúc lợi.
- Công ty cũng chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm công ty đều dành ngân sách cho đào tạo theo kế hoạch nhằm đảm bảo nâng cao kiến thức cho người lao động về mọi mặt, tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm và học tập ở trong và ngoài nước.
- Chính sách tuyển dụng: Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua tìm kiếm những người có năng lực và có tác phong làm việc phù hợp. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai qua báo chí hoặc các nhà môi giới việc làm chuyên nghiệp.

9. Chính sách cổ tức

Trong những năm vừa qua, Công ty luôn thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng Quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trên nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 14: Tình hình chi trả cổ tức năm 2008- 2009

Năm	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010 (dự kiến)
Tỷ lệ (%)	20%	20%	20%

Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 của Công ty VINACONEX MEC

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.
- Thời gian sử dụng ước tính để tính khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 15: Thời gian sử dụng các loại tài sản tính khấu hao

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06-30
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	05-15

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 của Công ty

10.1.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm đã và đang tăng trưởng tốt:

- Năm 2008 là 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Năm 2009 là 7.100.000 đồng/người/tháng.

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

Vào thời điểm 31/12/2009 Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã kê khai và thực hiện đúng các khoản nộp Ngân sách theo luật định.

Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2008, 2009 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
Thuế GTGT	220	371
Thuế xuất nhập khẩu	9	17
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.662	5.166
Thuế thu nhập cá nhân	260	127
Thuế khác	37	37
TỔNG CỘNG	4.188	5.718

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 của Công ty Cổ phần Vinaconex MEC

10.1.5. Trích lập các quỹ

Các Quỹ do Đại hội cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập và Hội đồng quản trị quyết định cách thức sử dụng bao gồm quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và các quỹ khác. Tính đến ngày 31/12/2009 tình hình trích lập các Quỹ của Công ty như sau:

Bảng 17: Tổng hợp chi tiết số dư các quỹ năm 2008, 2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các Quỹ	31/12/2008		31/12/2009	
	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
Quỹ dự phòng tài chính	182	-	746	480
Quỹ đầu tư phát triển	617	-	2.537	1.920
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-14	-17	316	369
Tổng cộng	785	-17	3.599	2.769

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2008, 2009

10.1.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 18: Các khoản vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Vay ngắn hạn

Tên tổ chức tín dụng	Mục đích	Dư nợ tại 31/12/2008	Dư nợ tại 31/12/2009
Ngân hàng HSBC	Phục vụ SXKD	-	800.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2008, 2009 của Công ty

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Các khoản phải thu	31/12/2008		31/12/2009	
	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	18.703	14.780	28.709	9.262
Phải thu khách hàng	6.202	1.245	19.384	515
Trả trước người bán	137	-	997	52
Phải thu nội bộ	8.260	10.881	5.291	7.350
Các khoản phải thu khác	4.104	2.654	3.656	1.345
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	619	-
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	18.703	14.780	28.709	9.262

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2008, 2009

Khoản mục phải thu khách hàng năm 2009 chủ yếu là khoản công nợ của Công ty con, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Vinamex là 3.199.797.280 đồng
- Công ty Cổ phần Vinatra là 15.668.895.909 đồng

Khoản dự phòng phải thu khó đòi năm 2009 là của Công ty Cổ phần Vinatra.

- Các khoản phải trả:

Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty*Đơn vị tính: triệu đồng*

Các khoản phải trả	31/12/2008		31/12/2009	
	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	39.343	14.947	59.993	23.393
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	800	-
Phải trả cho người bán	3.743	94	18.364	154
Người mua trả tiền trước	12.099	-	12.116	3.101
Thuế và các khoản phải nộp NN	4.188	3.573	5.718	4.319
Phải trả người lao động	-	-	30	-
Chi phí phải trả	315	163	504	406
Các khoản phải trả phải nộp khác	18.998	11.117	22.461	15.413
II. Các khoản phải trả dài hạn	138.451	129.188	146.527	138.660
Phải trả dài hạn khác	25.626	25.626	33.872	33.810
Vay và nợ dài hạn	112.757	103.528	112.558	104.788
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	68	34	97	62
Tổng cộng (I+II)	177.794	144.135	206.520	162.053

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2008, 2009

Khoản mục người mua trả tiền trước năm 2009 chủ yếu là của Công ty con, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Vinamex là 2.505.344.800 đồng
- Công ty Cổ phần Vinatra là 6.510.709.114

Các khoản phải trả phải nộp khác là khoản Công ty thu hộ, chi hộ người lao động gồm các khoản sau:

- Môi giới phí người lao động phải trả đối tác nước ngoài
- Vé máy bay cho người lao động
- Lệ phí Visa cho người lao động
- Đặt cọc thi tuyển ...

Các khoản phải trả dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản phải trả của Công ty. Trong đó khoản vay và nợ dài hạn của Công ty gồm:

Bảng 21: Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Các khoản phải trả	31/12/2008		31/12/2009	
	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
Nợ dài hạn tiền lương LĐNN	36.350	36.350	37.923	37.923
Nợ dài hạn phí dịch vụ nộp trước	76.055	66.827	74.260	66.490
Nợ dài hạn BHXH nộp trước	352	352	375	375
Tổng	112.757	103.529	112.558	104.788

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2008, 2009)

Trên thực tế, đây không phải là khoản vay nợ của Công ty mà là khoản thu trước của người lao động do các hợp đồng xuất khẩu lao động thường kéo dài vài năm nên Công ty hạch toán vào khoản vay và nợ dài hạn.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	4,08	3,19
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	3,99	2,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	80,80	77,34
Hệ số Nợ/Vốn sở hữu	%	478,21	402,65
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay Hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bq)	vòng	22,67	9,27
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	lần	0,27	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,02	11,88
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28,88	42,27
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,88	8,12
Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	12,97	14,27

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty rất tốt. Công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Tuy nhiên, hệ số thanh toán của Công ty giảm dần qua 2 năm 2008 và 2009. Nguyên nhân chính do Công ty có khoản phải trả người bán tăng đột biến từ 3.743 triệu đồng lên 18.364 triệu đồng. Trong năm 2009, một công ty con của Vinaconex MEC đã mở rộng sang hoạt động nhập khẩu ống gang, do đó, gia tăng khoản phải trả người bán, làm cho các khoản nợ ngắn hạn hợp nhất của công ty tăng lên, là nguyên nhân làm hệ số thanh toán của công ty giảm.

✚ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong hai năm qua cho thấy Vinaconex MEC đang duy trì một chính sách tài trợ bằng nguồn nợ khá cao. Trung bình hệ số nợ/tổng tài sản trên 100%, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu trên 400%. Nguyên nhân chính là do Công ty có khoản vay và nợ dài hạn cao. Về bản chất, Công ty không vay nợ, mà đây là do cách hạch toán của công ty: khoản vay nợ dài hạn này chính là khoản tiền thu trước của người lao động. Do đặc thù hoạt động xuất khẩu lao động, Công ty phải thu trước của người lao động các khoản phí gồm phí thủ tục (visa), phí môi giới, phí bảo hiểm, phí dịch vụ,... và khoản ký quỹ của người lao động tùy từng thị trường nhận lao động xuất khẩu. Khi hợp đồng kết thúc, khoản vay này sẽ được phân bổ vào doanh thu.

Hệ số nợ cao tiềm ẩn các rủi ro về tài chính. Bảng trên cho thấy, tuy Công ty vẫn có một mức nợ cao, nhưng Công ty có xu hướng giảm dần tỷ trọng nợ trong tổng nguồn để hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn cho hoạt động của mình. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn của Công ty rất tốt nên cũng không lo ngại về khả năng mất thanh khoản của công ty.

✚ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2009 giảm mạnh so với năm 2008, từ 22,67 vòng xuống còn 9,27 vòng. Do trong năm 2009 Công ty con của Vinaconex MEC đẩy mạnh nhập khẩu mặt hàng mới là Ống gang như đã đề cập nên làm cho hàng tồn kho tăng gần 5 lần (năm 2008 là 3.547 triệu đồng, năm 2009 là 16.252 triệu đồng). Còn Công ty mẹ vẫn hoạt động bình thường.

Các hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản và Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu phản ánh việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của Công ty để tạo ra doanh thu. Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2008 và 2009 tăng trưởng ổn định. Hệ số Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu tăng trưởng tốt, từ 2,62 lần năm 2008 lên 3,56 lần năm 2009. Điều này cho thấy Công ty hoạt động rất hiệu quả.

✚ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty tương đối cao. Các hệ số sinh lời của công ty đều tăng trưởng tốt qua các năm 2008 và 2009, đặc biệt Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng khá ấn tượng từ 28,89% lên 42,01%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ 4,88% lên 8,12%. Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời cũng cho thấy một Vinaconex MEC đang trên đà tăng trưởng.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

		Chức vụ	Năm sinh	CMND
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Thân Thế Hà	Chủ tịch HĐQT	1969	011807873
2	Nguyễn Văn Tích	Ủy viên HĐQT	1953	110975031
3	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên HĐQT	1964	012936226
4	Nguyễn Quốc Hòa	Ủy viên HĐQT	1972	011512180
5	Nguyễn Tiến Đạt	Ủy viên HĐQT	1976	011768238
II. BAN GIÁM ĐỐC				
1	Thân Thế Hà	Tổng Giám đốc	Nt	Nt
2	Phan Phương Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1973	013028650
3	Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	Nt	Nt
4	Ngô Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc	1967	012699698
5	Nguyễn Tiến Đạt	Kế toán trưởng	Nt	Nt
III. BAN KIỂM SOÁT				
1	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	1974	011637592
2	Trần Duy Thành	Thành viên Ban kiểm soát	1959	010271205
3	Vũ Ngọc Kiên	Thành viên Ban kiểm soát	1980	171665184
IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG				
	Nguyễn Tiến Đạt	Kế toán trưởng	Nt	Nt

- 03/2008 đến nay: Bí thư chi bộ, Chủ tịch HĐQT-Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Nhân Lực & Thương mại VINACONEX

15. Chức vụ công tác hiện nay: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Nhân Lực & Thương mại VINACONEX**

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Cty CP Kinh doanh VINACONEX (VINATRA)

- Ủy viên HĐQT Cty Phát triển Nhân Lực&Thương mại VINACONEX

17. Số cổ phần nắm giữ (đến 05/04/2010): **510.000** cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **110.000** cổ phần

+ Đại diện sở hữu: **400.000** cổ phần của TCT Vinaconex

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG NGUYỄN VĂN TÍCH - Ủy viên HĐQT**

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TÍCH** Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1953

3. Nơi sinh: Xã Xuân Cầm, Huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Quê quán: Xã Xuân Cầm, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang

7. Số CMT: 110975031 Ngày cấp: 18/01/2006 Nơi cấp: Công an Hà Nội

8. Nơi đăng ký HKTT: Nhà số 10, Tập thể trường CĐXD số 1 Hà Tây, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội

9. Chỗ ở hiện tại: Nhà số 10, Tập thể trường CĐXD số 1 Hà Tây, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội

10. Số điện thoại cơ quan: 046.2849.290

11. Trình độ văn hóa: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế kinh tế lao động, tốt nghiệp trường Đại học Tài Chính Leningrat (Liên Xô cũ)

13. Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp

14. Quá trình công tác:

- 10/1978-08/1987: Giáo viên trường Trung học Xây dựng số 1 – Bộ Xây Dựng
- 09/1987-04/1991: Đội phó, lao động hợp tác tại Liên Xô cũ
- 05/1991-06/1993: Giáo viên trường Trung học Xây dựng số 1 – Bộ Xây Dựng
- 07/1993-11/1996: Cán bộ Văn phòng Đại diện của Tổng công ty Vinaconex tại Liên Bang Nga
- 12/1996-02/2003: Chuyên viên phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)
- 03/2003-11/2006: Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)
- 12/2006-01/2008: Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX JSC)
- 02/2008 đến nay Phó Giám đốc Ban Phát triển Nhân Lực Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX JSC)
- 05/2007 đến nay Ủy viên HĐQT Cty CP Nhân lực & Thương mại VINACONEX

15. Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhân Lực & Thương mại VINACONEX**

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban phát triển Nhân Lực Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX JSC)

17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **400.000** cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: **400.000** cổ phần của TCT Vinaconex

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ ÔNG NGUYỄN VĂN HIỆP - Ủy viên HĐQT

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HIỆP** Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 08/06/1964

3. Nơi sinh: Hà Nam

4. Quốc tịch: Việt Nam

-
5. Dân tộc: Kinh
6. Quê quán: Nguyễn Lý, Lý Nhân, Hà Nam
7. Số CMT: 012936226 Ngày cấp: 25/01/2007 Nơi cấp CA TP Hà Nội
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34B Tổ 8, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại: 13 ngõ 53 Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511.300 (ML: 224)
11. Trình độ văn hóa: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải
13. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
14. Quá trình công tác:
- 03/1987-02/1990: Cán bộ xí nghiệp Lai Dắt tàu LASH và tàu Hoa tiêu – thuộc Liên Hiệp vận tải Biển pha Sông – Bộ Giao thông vận tải.
 - 03/1990-03/1998: Chuyên viên quản trị Hành chính chi nhánh Liên Doanh Vietsonlighter - thuộc Bộ giao thông Vận Tải
 - 01/1999-11/2007: Chuyên viên Trung tâm Xuất khẩu lao động & Thương mại VINACONEX– Tổng công ty VINACONEX
 - 12/2007-09/2008: Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Cty CP Nhân lực & Thương mại VINACONEX
 - 10/2008 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Nhân Lực & Thương mại VINACONEX
15. Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex**
16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **18.000** cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **18.000** cổ phần;
+ Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 150 cổ phần

STT	Họ và Tên	CMTND	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
01	Tạ Thu Hương	012936225	Vợ	150

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ ÔNG NGUYỄN QUỐC HOÀ - Ủy viên HĐQT

1. Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC HOÀ** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 17/02/1972
3. Nơi sinh: Thành phố Hà Nội
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Quê quán: Xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
7. Số CMTND: 011512180 Ngày cấp: 30/03/1995 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
8. Nơi đăng ký HKTT: Số 72, tổ 18, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại: Số 72, tổ 18, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan: 042249258
11. Trình độ văn hóa: 10/10
12. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
13. Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, tốt nghiệp trường Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2008
14. Quá trình công tác:
 - 08/1994-01/1996 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng cty VINACONEX
 - 02/1996-07/1997 Phụ trách Kế toán, Trung tâm XKLD - Tổng cty VINACONEX
 - 08/1997-08/1998 Chuyên viên phòng Tài chính kế toán - Tổng cty VINACONEX
 - 09/1998-02/1999 Chuyên viên phòng Kiểm toán nội bộ - Tổng cty VINACONEX

- 03/1999-04/2002 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán - Tổng cty VINACONEX
- 05/2002-09/2002 Kế toán trưởng Siêu thị VINACONEX
- 25/09/02-03/2003 Kế toán trưởng Cty CP Siêu thị & XNK Thương mại VINACONEX
- 18/3/03-06/2005 Phó trưởng phòng Tài chính Kế hoạch Tổng công ty VINACONEX
- 02/06/05-02/2008 Kế toán trưởng Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Sông Đà - Hà Nội – Tổng công ty cổ phần VINACONEX
- 28/02/08-05/2008 Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch Tổng cty cp VINACONEX
- 20/05/08 đến nay Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần VINACONEX

15. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần VINACONEX

17. Số cổ phần nắm giữ (Đến 05/04/2010): **500.000** cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: **500.000** cổ phần của TCT Vinaconex

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT - Ủy viên HĐQT**

1. Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN ĐẠT** Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 01/11/1976

3. Nơi sinh: Hà Nội

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Quê quán: Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh

7. Số CMT: 011768238 Ngày cấp: 01/11/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội.

8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 60 Phố Hàng Gai, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

9. Chỗ ở hiện tại: 60 phố Hàng Gai, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511300

11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
14. Quá trình công tác:
- 09/1996 -12/1996: Phòng Tài chính - Kế toán thuộc Tổng công ty VINACONEX
 - 01/1997-01/1998: Phòng Kế toán Cty XD số 4 - Tổng công ty VINACONEX
 - 01/1998-09/2001: Phòng Kế toán Trung tâm XKLD - TCTy VINACONEX
 - 09/2001-09/2002: Phụ trách kế toán Trung tâm XKLD - TCTy VINACONEX
 - 09/2002-11/2004 Kế toán trưởng, Bí thư Đoàn TNCSHCM Công ty CP VINAMEX – TCTy VINACONEX
 - 11/2004-07/2005 Kế toán trưởng Công ty CP VICOSTONE, TCTy VINACONEX
 - 07/2005-03/2008 Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP VINATRA -TCTy VINACONEX
 - 04/2008 đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần nhân lực và thương mại VINACONEX - TCTy cổ phần VINACONEX.
15. Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex**
16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần kinh doanh Vinaconex (VINATRA); Công ty cổ phần phát triển nhân lực và thương mại Việt Nam (VINAMEX).
17. Số cổ phần nắm giữ (Đến 05/04/2010): **33.753** cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **33.753** cổ phần;
- + Đại diện sở hữu: **0** cổ phần
18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

11.3. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

❖ **ÔNG THÂN THẾ HÀ- Tổng Giám đốc (xem phần Chủ tịch HĐQT trên đây)**

❖ **ÔNG PHAN PHƯƠNG NGUYỄN – Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **PHAN PHƯƠNG NGUYỄN** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 04/11/1973
3. Nơi sinh: Quảng Bình
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Quê quán: Hoàn Lão, Bố Trạch, Quảng Bình
7. Số CMT: 013028650 Ngày cấp: 11/01/2008 Nơi cấp: TP Hà Nội
8. Nơi đăng ký HKTT: Số 89 Ngõ 72 – Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại: A18, TT 19, Đô Thị mới Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511.300
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sỹ : Luật, Kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
14. Quá trình công tác:

12/1996-04/2000	Chuyên viên Cty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX-TAISEI
05/2000-2001	Chuyên viên Ctác tại Tổng công ty VINACONEX
2001-2006	Học Thạc sỹ Kinh tế và làm việc ở nước ngoài
09/2006-06/2007	Phó Giám đốc Trung tâm XKLD& Thương mại VINACONEX
07/2007-02/2008	Phó giám đốc Cty CP Nhân Lực & Thương mại VINACONEX
03/2008 đến nay	Phó Tổng giám đốc Cty CP Nhân Lực & Thương mại VINACONEX
05/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty CP Phát triển Nhân Lực & Thương mại VN
15. Chức vụ công tác hiện nay: **Phó TGD Cty CP Nhân Lực & TM VINACONEX**
16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Cty CP phát triển NL&TM ViệtNam
17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **50.600** cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **50.600** cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG NGUYỄN VĂN HIỆP** – Phó Tổng Giám đốc (xem phần Ủy viên HĐQT trên đây)

❖ **ÔNG NGÔ XUÂN HUY** – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: **NGÔ XUÂN HUY** Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 11/02/1967

3. Nơi sinh: Quảng Nam - Đà Nẵng

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Quê Quán: Hội An, Quảng Nam, Đà Nẵng

7. Số CMT: 012699698 Ngày cấp: 29/07/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội

8. Nơi đăng ký HKTT: C4-187 Tây Sơn, P.Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội

9. Chỗ ở hiện tại: Xóm lẻ, Thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511.300

11. Trình độ văn hóa: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp

14. Quá trình công tác:

1991-1995: Nhân viên Cty Mễ Cốc Đà Nẵng, nhân viên nhà Hàng Thanh Bình - Đà Nẵng

09/1995-09/2003: Điều phối viên quản lý lao động cho Tổng Cty VINACONEX tại Libya

10/2003-11/2007: Chuyên viên Trung tâm XKLD&TM VINACONEX

12/2007-02/2009: Trưởng phòng XKLD II Cty CP Nhân lực & TM VINACONEX

03/2009 đến nay: Phó TGD Cty CP Nhân lực&Thương mại VINACONEX

15. Chức vụ công tác hiện nay: **Phó TGD Cty CP Nhân Lực & TM VINACONEX**

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **20.000** cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **20.000** cổ phần;
+ Đại diện sở hữu: **0** cổ phần
18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT**- Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (xem phần HĐQT trên đây)

11.4. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

❖ **BÀ NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG** – Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG** Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 06/12/1974
3. Nơi sinh: Thành Phố Hà Nội
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Quê quán: Hà Đông, Hà Nội
7. Số CMT: 011637592 Ngày cấp: Hà Nội Nơi cấp TP Hà Nội
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 41, Tập thể báo Tiền Phong, ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại: Lô 41, Tập thể báo Tiền Phong, ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan: 046.2849256
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
14. Quá trình công tác:
- 12/2005 – 9/2007: Chuyên viên phòng Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Vinaconex

- 10/2007 – 4/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex
- 5/2008 – 7/ 2008: Chuyên viên Ban Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Vinaconex
- 8/2008 – 12/2008: Trưởng phòng Kế toán - Ban Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Vinaconex
- 1/2009 đến nay: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Vinaconex
15. Chức vụ công tác hiện nay: **Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex**
16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Vinaconex
17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **26.000** cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần;
 + Đại diện sở hữu: **26.000** cổ phần của TCT Vinaconex
18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG TRẦN DUY THÀNH- Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **TRẦN DUY THÀNH** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 18/03/1959
3. Nơi sinh: Thành Phố Nam Định
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Quê quán: Vụ Xuyên, Mỹ Lộc, Nam Định
7. Số CMT: 010271205 Ngày cấp: 30/11/2006 Nơi cấp TP Hà Nội
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 60 ngõ 36 phố Lê Thanh Nghị, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại: Nhà 60, ngõ 36, phố Lê Thanh Nghị, Hà Nội.
10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511.300 (ML121)
11. Trình độ văn hóa: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp

14. Quá trình công tác:

+ 1983-04/2005 : Tổng công ty XNK Súc sản và gia cầm , Tcty chăn nuôi Việt Nam

+ 01/05/2005 đến nay: Chuyên viên Công ty cổ phần Nhân lực & Thương mại VINACONEX

15. Chức vụ công tác hiện nay: **Chuyên viên phòng xuất khẩu lao động, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhân lực và thương mại Vinaconex**

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **6.200** cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **6.200** cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

❖ **ÔNG VŨ NGỌC KIÊN- Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **VŨ NGỌC KIÊN** Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 22/06/1980

3. Nơi sinh: Thanh Hoá

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Quê quán: Thọ Nguyên, Thọ Xuân, Thanh Hóa

7. Số CMT:171665184 Ngày cấp: .06/01/1998 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thọ Nguyên, Thọ Xuân, Thanh Hoá

9. Chỗ ở hiện tại: Nhà 3- C8, Khu C, Học viện An Ninh

10. Số điện thoại cơ quan: 046.2511.300 (ML222)

11. Trình độ văn hóa: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

13. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp

14. Quá trình công tác:

+ Từ 06/2008 – 10/2009 là chuyên viên phòng TCKT Công ty CP Nhân lực và Thương mại VINACONEX

+ Từ 11/2009 đến nay là chuyên viên Ban dự án Công ty CP Nhân lực và thương mại Vinaconex.

15. Chức vụ công tác hiện nay: **Chuyên viên Ban Dự án, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhân lực và thương mại Vinaconex**

16. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

17. Số cổ phần nắm giữ đến 05/04/2010: **3.000** cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **3.000** cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

11.5. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

- ❖ **ÔNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT** – Kế toán trưởng (xem phần Ủy viên HĐQT trên đây)

12. Tài sản

Bảng 22a: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009 (hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
Tài sản cố định hữu hình		16.375.621.517	5.449.387.150	10.926.234.367	66,72
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.533.904.514	1.480.779.927	9.053.124.587	85,94
2	Máy móc, thiết bị	1.247.223.854	685.579.514	561.644.340	45,03
3	Phương tiện vận tải	3.825.531.372	2.711.384.018	1.114.147.354	29,12
4	Dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	768.961.777	571.643.691	197.318.086	25,66
Tài sản cố định vô hình		311.000.000	205.324.000	105.676.000	33,98
1	TSCĐ vô hình (*)	311.000.000	205.324.000	105.676.000	33,98
Tổng cộng		16.686.621.517	5.654.711.150	11.031.910.367	66,11

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009

(*) Của Công ty Cổ phần Vinamex

Bảng 22b: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009 của công ty mẹ

ST T	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
Tài sản cố định hữu hình		11.656.982.131	3.242.495.222	8.414.486.909	72,18
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.030.000.000	1.019.045.333	7.010.954.667	87,31
2	Máy móc, thiết bị	1.246.623.854	702.197.214	544.426.640	43,67
3	Phương tiện vận tải	2.196.576.324	1.392.445.369	804.130.955	36,61
4	Dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	183.781.953	128.807.306	54.974.647	29,91
Tài sản cố định vô hình		-	-	-	
1	TSCĐ vô hình	-	-	-	
Tổng cộng		11.656.982.131	3.242.495.222	8.414.486.909	72,18

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của công ty mẹ

Bảng 22c: Tình hình tài sản bất động sản đầu tư tính đến thời điểm 31/12/2009 của công ty mẹ

ST T	Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	TTTM Vinaconex, số 8 đường Quang Trung, Hà Đông, HN	28.486.818.182	769.914.000	27.716.904.182
Tổng cộng		11.656.982.131	3.242.495.222	8.414.486.909

Danh mục đất đai Công ty đang sử dụng:

Bảng 23: Danh mục đất đai Công ty đang sử dụng

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m2)	Mô tả tài sản trên đất	Thời gian thuê đất	Số năm còn lại	Mục đích sử dụng
1	Tầng 1 tòa nhà 17 T6 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	365	Diện tích thương mại dịch vụ văn phòng	vĩnh viễn		Văn phòng công ty
2	Đông Mai, Hà Đông, Hà Nội	54.300,4	1 trường đào tạo 3 tầng với tổng diện tích xây dựng 6.284 m2 và tổng diện tích sàn là 12.667m2	50 năm	48 năm	Đào tạo công nhân có tay nghề cao phục vụ trong nước và xuất khẩu lao động
3	TTTM Vinaconex, số 8 đường Quang Trung, Hà Đông, HN	1.796,5	Gồm 1500,5 m2 diện tích thương mại dịch vụ văn phòng và 296 m2 diện tích chung tầng 6 TTTM Vinaconex	50 năm	45 năm	Cho thuê làm văn phòng
4	Cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng, Đoàn Hùng, Phú Thọ	45.000,0	Nhà máy với tổng diện tích xây dựng 4.712 m2 gồm 1 xưởng sản xuất chính và cho chứa thành phẩm; 1 kho chứa than; 1 kho chứa bãi nguyên vật liệu.	50 năm	49 năm	Xây nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu công suất 30.300 tấn sản phẩm/năm

5	Cụm nhà ở cao tầng hỗn hợp tại dự án N05 khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, HN	1.933,6	Gồm 16.622,6 m ² diện tích thương mại dịch vụ văn phòng và 311 m ² diện tích chung tầng 5 tòa nhà 25T1 KĐT Trung Hòa Nhân Chính	50 năm	49 năm	Làm văn phòng và cho thuê
---	------------------------------------------------------------------------------------------	---------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------	--------	---------------------------

Nguồn: Công ty VINACONEX MEC

13. Lợi thế thương mại

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2009 của Công ty, giá trị còn lại khoản lợi thế thương mại là **2.347.012.000 đồng**. Đây là phần chênh lệch giữa giá trị đầu tư (giá mua) vào Công ty con và phần vốn góp được ghi nhận (mệnh giá) hạch toán tại Công ty. Công ty đã hạch toán vào mục lợi thế thương mại và phân bổ trong 10 năm (theo phương pháp đường thẳng).

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch sản xuất và phát triển của công ty năm 2010

Năm 2010 là năm nền kinh tế thế giới đang dần hồi phục, nhưng đối với hoạt động xuất khẩu lao động vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch năm 2010. Trước tình hình đó Công ty đã đề ra mục tiêu cho năm 2010 như sau:

Bảng 24: Chỉ tiêu kinh doanh năm 2010 (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất	Công ty mẹ
Giá trị tổng sản lượng	Triệu USD	45	32
Xuất khẩu lao động	Triệu USD	34	30
Xuất nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	10	1,5
SXKD khác	Triệu USD	1	0,5
Doanh thu	Tỷ đồng	195	48
Xuất khẩu lao động	Tỷ đồng	33	30
Xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ đồng	125	10
Doanh thu khác	Tỷ đồng	37	8
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27	24
Xuất khẩu lao động	Tỷ đồng	20	19
Xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ đồng	3,5	2
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	3,5	3

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 của Công ty)

14.2. Chi tiết kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010-2012 hợp nhất của Công ty như sau:

Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012 hợp nhất của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với T H 2009	Giá trị	% tăng giảm so với 2010	Giá trị	% tăng giảm so với 2011
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	51.290	55.000	7,23	60.000	9,09	65.000	8,33
Vốn điều lệ	Triệu đồng	30.000	30.000	-	40.000	33,33	50.000	25,00
Doanh thu thuần	Triệu đồng	182.571	195.000	6,81	210.000	7,69	250.000	19,05
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.682	22.000	1,47	23.000	4,55	27.000	17,39
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	%	11,88	11,28	-5,05	10,95	-2,92	10,80	-1,37
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	%	42,27	40,00	-5,35	38,33	-4,17	41,54	8,37
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Điều lệ (%)	%	72,27	73,33	1,47	57,50	21,59	54,00	4,35
Cổ tức	(%/mệnh giá)	20	20		20		20	

(Nguồn: Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch từ 2010 - 2012 của Công ty VINACONEX MEC)

Trong đó, kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2010- 2012 như sau

Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012 của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với T H 2009	Giá trị	% tăng giảm so với 2010	Giá trị	% tăng giảm so với 2011
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	49.025	55.000	12,19	60.000	9,09	65.000	8,33
Vốn điều lệ	Triệu đồng	30.000	30.000	-	40.000	33,33	50.000	25,00
Doanh thu thuần	Triệu đồng	47.685	48.000	0,66	55.000	14,58	60.000	9,09
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	19.810	20.000	0,96	21.000	5,00	24.000	14,29
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	%	41,54	41,67	0,31	38,18	-8,37	40,00	4,77
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	%	40,41	36,36	-10,02	35,00	3,74	36,92	5,49
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Điều lệ (%)	%	72,27	73,33	1,47	57,50	-21,59	54,00	-4,78
Tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức	%	27,67	27,3	1,34	34,8	27,47	37,03	6,41
Cổ tức	(%/mệnh giá)	20	20		20		20	

(Nguồn: Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch từ 2010 - 2012 của Công ty VINACONEXMEC)

Dự kiến kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phương án tăng vốn điều lệ sẽ được Công ty xây dựng chi tiết và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Xuất khẩu lao động là một chủ trương của Nhà nước, nhằm xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ổn định đời sống cho nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Đây cũng là vấn đề được cả xã hội quan tâm.

Trong những năm trở lại đây, bình quân mỗi năm cả nước có khoảng gần 100.000 người đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, tiềm năng lao động của Việt Nam rất dồi dào, xuất khẩu lao động của Việt Nam vẫn chưa khai thác hết. Dự tính đến năm 2010, Việt Nam sẽ đưa từ 100.000-120.000 lao động sang nước ngoài làm việc, trong đó lao động có trình độ cao chiếm

khoảng 50% (Nguồn: Báo Điện tử Vietnam net).

Trong điều kiện trên, Công ty đề ra mục tiêu mỗi năm xuất khẩu khoảng 3.000 – 4.000 lao động, duy trì số lao động bình quân tại thị trường nước ngoài khoảng trên 6.000 người.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty đã đề ra và từng bước thực hiện các giải pháp như:

1. Tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 Đại hội đồng cổ đông giao; Tiến hành cân đối nguồn nhân lực và tài chính để nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí phù hợp với tình hình thực tế.

2. Tái cơ cấu mô hình tổ chức

Tiến hành đánh giá mô hình tổ chức hiện tại để hoàn thiện, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của VINACONEX MEC trong tương lai theo hướng tổ chức khoa học, nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng yêu cầu mở rộng kinh doanh của công ty trên hai mảng: xuất khẩu lao động và đầu tư cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

3. Về công tác tổ chức

Tổ chức nhân sự được xác định là vấn đề trọng tâm hàng đầu, đặc biệt trong tình hình như hiện nay. Doanh nghiệp sẽ tập trung hoàn thiện chiến lược kiện toàn tổ chức, quan tâm tới đội ngũ cán bộ làm công tác ở tất cả các công ty con, chi nhánh, các phòng để bố trí khoa học, hợp lý ở các khâu sao cho phối hợp công việc khoa học, nhanh, đạt hiệu quả cao nhất.

4. Về hoạt động xuất khẩu lao động

- Duy trì và giữ vững các thị trường hiện có, tăng cường mở rộng, tìm kiếm thị trường mới, hợp đồng mới. Sử dụng tổng hợp sức mạnh, thương hiệu của VINACONEX để quảng bá và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động;
- Cần có chiến lược XKLD dài hạn với phương châm: “Chuyên nghiệp hoá bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để phát triển bền vững”;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng lao động xuất khẩu để giữ vững và mở rộng thị trường. Đáp ứng yêu cầu của đối tác về việc cung cấp lao động trọn gói cho cả đơn hàng;
- Tạo điều kiện để cho người nghèo đi xuất khẩu lao động theo nội dung Quyết định 71 của Thủ tướng chính phủ;
- Tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động. Việc đào tạo nghề và nâng cao tay nghề cho người lao động cần được áp dụng cả trước tuyển dụng và sau tuyển dụng;
- Sử dụng tổng hợp sức mạnh, thương hiệu của Tổng công ty để quảng bá và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động.

5- Về đầu tư

Để chủ động cung ứng nguồn nhân lực có tay nghề đi làm việc ở nước ngoài, hiện nay Công ty đang xây dựng Trường đào tạo Nhân lực Vinaconex để đào tạo nguồn nhân lực thành những lao động có kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động nước ngoài.

Trường Đào tạo Nhân lực Vinaconex được xây dựng trên khu đất rộng 5,43 hecta (54.300,2 m²) thuộc địa bàn Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, TP Hà Nội. Phía Đông, Bắc giáp quy hoạch cụm Công nghiệp Phường Đồng Mai. Phía Tây, Nam giáp khu đất dịch vụ và dân cư, với dự tính kinh phí đầu tư lên đến 80,8 tỷ đồng. Thời gian khởi công: quý 1 năm 2010, do Công ty cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex làm chủ đầu tư và Ban quản lý dự án trường đào tạo Nhân lực Vinaconex quản lý thực hiện dự án.



Trường Đào tạo Nhân lực Vinaconex

Năng lực đào tạo của trường Đào tạo Nhân lực Vinaconex:

- Giai đoạn I: Sẽ đào tạo khoảng 1.500 học sinh/ năm.
- Giai đoạn II: Sẽ đào tạo khoảng 1.800 học sinh/ năm.

Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu.

Việt Nam là quốc gia có ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển thứ 3 thế giới và có nguồn gỗ tự nhiên, rừng trồng rất lớn vì vậy mà các phế phẩm trong sản xuất, chế biến gỗ là vô cùng lớn như: mùn cưa, dăm bào, đầu mẩu gỗ vụn, cành cây nhỏ...



Dự án Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu.

Sử dụng hiệu quả năng lượng sinh khối (Biomass) đang là vấn đề được quan tâm trên thế giới, nhằm giảm một phần sức ép từ sử dụng nhiên liệu. Sinh khối ở nước ta có nhiều dưới dạng phế thải của ngành nông lâm nghiệp, phế thải của sản xuất chế biến gỗ (mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn)... Theo thống kê, phụ phẩm thừa từ nông lâm nghiệp hầu hết bị thải ra môi trường. Nén

tạo viên nhiên liệu là cách chế biến hàng triệu tấn biomass này thành năng lượng để sản xuất phụ vụ đời sống, sản xuất vừa và nhỏ cho thương mại. Thị trường viên nén nhiên liệu ngày càng sôi động ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Viên nhiên liệu với những đặc điểm hiệu quả cháy cao hơn, sản xuất nhiệt nhiều hơn, là nhiên liệu cháy sạch, không gây bụi bẩn, không gian lưu trữ nhỏ, dễ sử dụng, có thể đốt ở nhiều loại lò với công suất khác nhau, và do tận dụng nguồn phế thải từ Nông - Lâm Nghiệp nên giá thành nhiên liệu rẻ, tiết kiệm chi phí nhiên liệu ...có khả năng thay thế cho các nguồn năng lượng hoá thạch trong các quá trình sản xuất. Hơn nữa hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa có sự đầu tư lớn và phát triển công nghệ sản xuất viên nhiên liệu từ biomass dạng công nghiệp. Vì vậy việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu là cần thiết và có tính khả thi cao, đem lại nhiều lợi ích kinh tế và góp phần lớn bảo vệ môi trường.

Hiện tại, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp phép đầu tư. Công ty đang chuẩn bị triển khai giải phóng mặt bằng vào đầu quý II năm 2010 và đồng thời tiến hành các thủ tục nhập máy móc thiết bị để kịp thời cho chạy thử vào tháng 10 năm 2010. Dự kiến cuối quý IV/2010 dự án sẽ đem lại doanh thu cho Công ty.

Thông tin về dự án:

Tên dự án	:	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Phú Thọ
Chủ đầu tư	:	Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex
Địa điểm xây dựng nhà máy:	:	Đồi Cây Trôi, Soi Bãi và Gò Triền, thuộc địa bàn thôn 1, thôn 4 và thôn 8 xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, trên một khu đất có diện tích 4,5 ha.
Công suất nhà máy	:	30.300 Tấn sản phẩm/ năm
Tổng mức vốn đầu tư	:	58.231.033.702 đồng
Nguồn vốn đầu tư	:	Vốn vay
Thời gian đầu tư	:	06 tháng
Các chỉ tiêu cơ bản		
<i>Hệ số thu hồi vốn nội bộ (IRR)</i>	:	22,64%
<i>Giá trị hiện tại thuần</i>	:	25.867.814.417 đồng

Vòng quay tổng tài sản	:	1,63 vòng
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	:	19,2%
Thời gian thu hồi vốn (không kể thời gian thực hiện đầu tư)	:	05 năm 02 tháng
Thời gian thu hồi vốn (kể cả thời gian thực hiện đầu tư)	:	05 năm 08 tháng
Điểm hòa vốn (năm trung bình)	:	
Doanh thu hòa vốn	:	38.036.808.084 đồng
Công suất hòa vốn	:	41,02%
Sản lượng hòa vốn	:	12.430 tấn
Thị trường tiêu thụ sản phẩm	:	Xuất khẩu

6- Công tác phát triển nhân lực

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo và thu hút cán bộ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

7 - Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp

- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp tục phân định rõ ràng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc để tạo ra cơ chế làm việc năng động, hiệu quả và có tính trách nhiệm cao, minh bạch trong quá trình điều hành Công ty.
- Đẩy mạnh công tác công bố thông tin tới các cổ đông: tạo điều kiện để các cổ đông tiếp xúc, bày tỏ quan điểm, đóng góp các ý kiến cho sự phát triển của Công ty.
- Minh bạch hoá các hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES) đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty VINACONEX MEC. Đồng thời, dựa trên năng lực hoạt động của VINACONEX MEC và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SMES nhận thấy:

- Xuất khẩu lao động là thị trường tiềm năng và là ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam trong những năm tới. Quốc hội đã thông qua Luật (luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) cho hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp.
- Công ty thường xuyên tìm ra giải pháp về chất lượng, giải pháp về thị trường, giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực và thực hiện thành công công tác nâng cao chất lượng lao động, duy trì mở rộng các thị trường cũ, tìm kiếm và khai thác các thị trường mới.
- Chất lượng tuyển dụng lao động xuất khẩu của Công ty đảm bảo cả về trình độ tay nghề và ý thức kỷ luật, do đó uy tín của Công ty đối với các thị trường nước ngoài ngày càng được khẳng định.
- Công ty đảm bảo thu nhập và điều kiện sinh hoạt của các lao động đi làm việc ở nước ngoài tốt, chưa có trường hợp tranh chấp, khiếu kiện của lao động xuất khẩu sau khi kết thúc hợp đồng lao động, vì vậy đã tạo được lòng tin đối với người lao động, số lượng lao động xuất khẩu qua Công ty ngày càng tăng.
- Việc mở rộng kinh doanh sang nhiều lĩnh vực mới (phát triển đa ngành, đa nghề) của Công ty phù hợp với xu hướng phát triển chung hiện nay, đảm bảo sự phát triển cân đối, ổn định và bền vững của Công ty trong những năm tới.
- Kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các nghiên cứu, khảo sát chi tiết về thị trường cũng như những đánh giá đúng mức về năng lực hiện có của Công ty. Do đó, kế hoạch này có tính khả thi cao. Tuy nhiên, Công ty cũng cần phải tập trung vào các biện pháp thực hiện vì đây chính là điều kiện đủ để đảm bảo rằng kế hoạch kinh doanh sẽ được triển khai một cách hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty.
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là ổn định và hợp lý, đảm bảo cân đối giữa tỷ lệ lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư, tỷ lệ trích lập quỹ và tỷ lệ trả cổ tức nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong tương lai.
- Các chỉ số tài chính cơ bản của Công ty nhìn chung là ổn định, trong đó nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đang tăng đều qua 3 năm gần nhất. Do đó, trong điều kiện bình thường, không có những biến động mạnh và bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là hoàn toàn khả thi. Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ

chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

CHƯƠNG V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

3.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

- Số lượng chứng khoán của cổ đông sáng lập: 1.566.000 cổ phiếu. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11, cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu. VINACONEX MEC được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/05/2007. Như vậy, số lượng chứng khoán này bị hạn chế chuyển nhượng đến 03/05/2010.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời điểm ngày 05/04/2010 là 1.567.553 cổ phần, tương ứng với 52,25% vốn điều lệ, trong đó 1.326.000 cổ phần đại diện cho phần vốn tổ chức của Cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex.

Theo quy định tại Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007, các cổ đông này phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên kể từ ngày cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5. Giá trị sổ sách của cổ phần

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành - cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2008:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{37.165.172.912}{2.608.496} = 14.247 \text{ đồng}$$

Tại thời điểm 31/12/2009:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{51.607.022.767 - 316.819.896}{3.000.000} = \frac{51.290.202.871}{3.000.000} = 17.097 \text{ đồng}$$

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009)

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các nhà đầu tư Tổ chức và cá nhân nước ngoài được đăng ký và nắm giữ cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/6/2009, thay thế Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên TTCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty đại chúng, tỷ lệ nắm giữ đối với trái phiếu do tổ chức phát hành quy định.

Tại thời điểm 05/04/2010, số lượng cổ phiếu do người nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phiếu, chiếm 0% trên tổng vốn điều lệ.

7. Các loại thuế có liên quan

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp:* Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không được hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế.
- *Thuế giá trị gia tăng:* Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu lao động; 5% đối với hoạt động du lịch và 10% đối với các sản phẩm hàng hóa.
- *Các loại thuế khác:* Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.
- *Các chính sách về ưu đãi thuế:* Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó Công ty được hưởng ưu đãi về miễn, giảm, gia hạn nộp thuế TNDN

theo chủ trương kích cầu, cụ thể:

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 tổng số tiền được miễn giảm là **273.193.006 đồng** và số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của năm 2009 là **1.663.210.523 đồng**.

CHƯƠNG VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SME Securities)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 3-4, số 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678

Fax: (84.4) 22205680

Email: smehn@smes.vn website: www.smes.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCMs

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389 Fax: (84-8) 3914 7390

Email: smehcm@smes.vn

3. Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội)

Địa chỉ: Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải phóng- Hoàng Mai- Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39 745 081

Fax: (84.8) 39 745 083

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex

Phụ lục 2: Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009

Phụ lục 4: Các tài liệu khác

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX
CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC**

THÂN THẾ HÀ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SME
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO